

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp vật tư y tế tiêu hao theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2025 (bổ sung)
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 9 giờ, ngày 01/./7/2025
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
 - Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
 - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị (Tổ Vật tư y tế tiêu hao), Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Đường Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan

Số điện thoại: 028.3952.5243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (B12-089-btmtram).

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ

Nguyễn Hữu Thịnh



CÔNG TY.....
MÃ SỐ THUẾ:
ĐỊA CHỈ:
SỐ ĐIỆN THOẠI NHÂN SỰ PHỤ TRÁCH:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM
Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Theo Công văn mời chào giá số/BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		THÔNG TIN NHÀ THẦU CHÀO GIÁ													
	STT trong danh mục mời chào giá	Tên danh mục mời chào giá	Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Đặc tính kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền có VAT (VND)	Ghi chú
1																Hợp đồng trúng thầu số...ngày... tại Bệnh viện... , giá trúng thầu: ..., Hợp đồng trúng thầu đáp ứng số lượng (nếu có)

- Báo giá này có hiệu lựctháng kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác của Công ty (nếu có):

Ngày ... tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bộ dây dẫn tuần hoàn (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh dưới 20kg	Bộ dây dẫn tuần hoàn (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh dưới 20kg: 1. Bơm ly tâm: - Chất liệu: Polycarbonate (PC) - Thể tích mỗi: $\leq 32\text{ml}$ - Tốc độ bơm lên tới 5000 vòng/phút 2. Bộ dây dẫn tuần hoàn: - Chất liệu: Polyvinyl chloride (PVC) có phủ chất chống đông máu - Bao gồm đường động mạch và tĩnh mạch - Chiều dài dây chính: $1/4 \times 1/16 \times 400 - 500\text{cm}$ - Số lượng và chiều dài các dây phụ: + 03 dây $1/4 \times 1/16 \times 110 - 130\text{cm}$ + 01 dây $1/4 \times 1/16 \times 250 - 350\text{cm}$ + 01 dây $1/4 \times 1/16 \times 10 - 15\text{cm}$ - Dây dẫn khí có lọc khí dài trong khoảng $250 - 350\text{cm}$ - Tương thích máy ECMO rotaflow của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	6
2	Bộ tim phổi nhân tạo (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh dưới 20kg	Phổi nhân tạo (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh $\leq 20\text{kg}$ - Chất liệu: Thân phổi: Polycarbonate (PC), sợi trao đổi khí: Polymethylpentene (PMP), sợi trao đổi nhiệt: Polyurethane - Bề mặt trao đổi khí $\geq 0.8\text{m}^2$ - Bề mặt trao đổi nhiệt $\geq 0.15\text{m}^2$ - Lưu lượng máu trong khoảng $0.2 - 2.8$ lít/phút - Thể tích mỗi: $\leq 90\text{ ml}$ - Thời gian sử dụng liên tục trong khoảng $14 - 21$ ngày - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo ECMO/Rotaflow của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	5
3	Bơm tiêm dùng trong can thiệp mạch máu, cỡ 1ml, 3ml, 10ml	Bơm tiêm dùng trong can thiệp mạch máu - Chất liệu bằng Polycarbonate - Đầu luer lock - Có tối thiểu cỡ 1ml, 3ml, 10ml Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2.000

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
4	Bóng nong can thiếp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 12 → 14mm, dài 20 → 60mm	Bóng nong can thiếp mạch máu ngoại biên - Chất liệu bóng: Co-Extruded, phù ái nước - Đường kính bóng có tối thiểu các cỡ 12mm, 14mm. - Chiều dài bóng có tối thiểu các cỡ 20mm, 40mm, 60mm. - Chiều dài trục thân có tối thiểu cỡ 75cm, 120cm - Tương thích dây dẫn 0.035" - Áp suất tối đa ≤ 8atm - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	75
5	Dây dẫn hoặc vi dây dẫn chẩn đoán ái nước, dài ≥ 80cm	Dây dẫn hoặc vi dây dẫn chẩn đoán ái nước - Chất liệu lõi bằng Nitinol, lớp áo Polyurethane và lớp ái nước - Kích cỡ có tối thiểu các cỡ 0.035", 0.038", 0.025", 0.018" - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 80cm, 150cm, 180cm, 220cm, 260cm - Dạng đầu: đầu thẳng và đầu cong Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2.000
6	Dụng cụ đóng mạch máu bằng phương pháp kẹp, 14Fr và 18Fr	Dụng cụ đóng mạch máu bằng phương pháp kẹp - Chất liệu: lớp ngoài bằng Collagen và lớp trong bằng Poly Lactic-co-Glycolic Acid có khả năng hấp thụ sinh học - Kích thước 14Fr và 18Fr - Đặc điểm: đóng mạch cho lỗ cannula tuần hoàn ngoài cơ thể tới 25Fr, thời gian tự tiêu hoàn toàn sau 90 ngày - Gồm: + Dụng cụ đóng mạch + Dụng cụ mở đường + Thanh thăm dò Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	100
7	Mạch máu nhân tạo thẳng bằng Polyester tấm Gelatin, đường kính 8 → 32mm, dài 20 → 30cm	Mạch máu nhân tạo thẳng dùng trong phẫu thuật tim mạch - Chất liệu bằng Polyester, tấm Gelatin - Đường kính có tối thiểu các cỡ 8mm, 10mm, 12mm, 24mm, 26mm, 28mm, 30mm, 32mm - Chiều dài trong khoảng 20 - 30cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
8	Mạch máu nhân tạo thẳng bằng Polytetrafluoroet hylene, đường kính 5mm, dài ≥ 50cm có vòng xoắn toàn phần	Mạch máu nhân tạo thẳng dùng trong phẫu thuật tim mạch - Chất liệu bằng Polytetrafluoroethylene (PTFE), có vòng xoắn ngoài toàn phần - Đường kính có tối thiểu cỡ 5mm, chiều dài ≥ 50cm - Sức chịu kéo vết khâu tối thiểu 8.5 N Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
9	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 21 → 22g	Máy tạo nhịp 1 buồng đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Chất liệu: Titanium, Polyurethane, Silicone - Thể tích máy trong khoảng 9.5 - 10cm³, trọng lượng trong khoảng 21 - 22g - Giúp nhịp thất ổn định khi có AT/AF - Biểu đồ điện trở của dây dẫn. - Quản lý tạo nhịp thất - Tuổi thọ pin trung bình ≥ 10 năm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	3
10	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động trong trọng lượng 31 → 32g	Máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng nhịp, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Thể tích máy < 14 ml, trọng lượng trong khoảng 31 - 32g - Có tính năng giúp nhịp thất ổn định khi có AT/AF - Tự động theo dõi và điều chỉnh: ngưỡng nhận cảm, trở kháng dây, cực tính của dây - Có tính năng giảm tối đa các tạo nhịp không cần thiết của máy ở tâm thất Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	7
11	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 27 → 28g	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Chất liệu: Titanium, Polyurethane, Silicone - Thể tích máy trong khoảng 12.0 - 12.5cm³, trọng lượng trong khoảng 27 - 28g - Có tính năng giúp nhịp thất ổn định khi có AT/AF - Tự động theo dõi và điều chỉnh: ngưỡng nhận cảm, trở kháng dây, cực tính của dây - Có tính năng giảm tối đa các tạo nhịp không cần thiết của máy ở tâm thất Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	7
12	Ống thông can thiệp mạch vành và tim bẩm sinh, kích cỡ 5 → 8Fr	Ống thông can thiệp mạch vành và tim bẩm sinh - Chất liệu trực ống thông bằng PTFE (polytetrafluoroethylene), lớp thép không gỉ bên xung quanh trực - Bề mặt ngoài của ống thông làm bằng nylon Pebax cản quang - Kích cỡ 5 → 8Fr, có tối thiểu cỡ 5Fr - Đường kính trong có tối thiểu các cỡ 0.057", 0.070", 0.078", 0.088" - Có các dạng: JR, JL, SBS, MP, IM, AL, AR, LCB, RCB, EG, HS, UTL1, UTL2 Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
13	Stent graft động mạch chủ ngực bằng hợp kim Nitinol	Stent graft động mạch chủ ngực - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol. - Màng (graft) bằng polyester - Đường kính có tối thiểu các cỡ 24.0mm, 26.0mm, 28.0mm, 30.0mm, 36.0mm, 40.0mm, 44.0mm, 46.0mm - Chiều dài trong khoảng: 100 - 250mm - Tương thích dụng cụ mở đường 19 - 22Fr Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	5
14	Stent graft động mạch chủ ngực, loại bỏ sung, bằng hợp kim Nitinol	Stent graft động mạch chủ ngực, loại bỏ sung - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol - Màng (graft) bằng polyester - Đường kính có tối thiểu các cỡ 24mm, 26mm, 28mm, 30mm, 36mm, 40mm, 44mm, 46mm - Chiều dài trong khoảng: 100 - 250mm - Tương thích dụng cụ mở đường 22 - 26Fr Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
15	Bơm tiêm cân quang 150ml tương thích với máy bơm thuốc cân quang Medrad Mark 7	Bơm tiêm cân quang: - Chất liệu ống tiêm polycarbonate - Thể tích 150ml - Áp suất 1200 PSI - Bao gồm 01 xi lanh và 01 ống nạp nhanh - Tương thích với máy bơm thuốc cân quang Medrad Mark 7 Arterion Injection System tại Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	900
16	Ống thông chẩn đoán hình ảnh chụp cắt lớp quang học trong lòng mạch	Ống thông chẩn đoán hình ảnh chụp cắt lớp quang học trong lòng mạch - Chất liệu phủ lớp ái nước Hydrophilic - Đường kính ngoài đoạn xa khoảng 2.7 - 2.8F - Chiều dài 135 - 140cm - Điểm đánh dấu đoạn xa tới tip cách 3mm - Điểm đánh dấu thấu kính tới điểm đánh dấu đoạn xa cách 20mm - Điểm đánh dấu đoạn gần tới điểm đánh dấu thấu kính cách 82mm - Dạng: Rapid Exchange - Tương thích dây dẫn 0.014	Cái	150
17	Lưới điều trị tiểu không tự chủ bằng polypropylene, độ xốp khoảng 84 - 86%	Lưới điều trị tiểu không tự chủ - Chất liệu bằng polypropylene - Kích thước (1 - 1.25) cm x (40 - 50) cm - Cấu tạo độ xốp khoảng 84 - 86% - Độ dày sợi khoảng 0.14 - 0.16 mm - Kích thước lỗ khoảng (1.30 - 1.32) x (0.43 - 0.46) mm - Kháng lực > 55 N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	8

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
18	Tấm nâng điều trị sa tạng chậu qua ngã âm đạo bằng polypropylene	Tấm nâng điều trị sa tạng chậu qua ngã âm đạo - Chất liệu bằng polypropylene - Kích thước thân giữa khoảng (5 - 6) x (7 - 9) cm, có 6 nhánh - Trọng lượng khoảng 20 - 25 g/m ² - Cấu tạo độ xốp trung bình khoảng 58 - 60% - Kích thước lỗ lưới khoảng (1.1 - 1.2) x (0.6 - 0.9) mm - Lực kéo sợi lưới > 72 N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	8
19	Nẹp nhỏ cố định xương gãy vùng hàm mặt, chữ Y, 5 lỗ	Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, hình chữ Y, 5 lỗ - Chất liệu: titanium - Độ dày: trong khoảng 0.65 - 0.75mm (tối thiểu phải có cỡ 0.7mm), khoảng cách 2 lỗ 4.5mm ± 0.01mm - Cấu tạo: hình chữ Y, 5 lỗ - Tiêu chuẩn: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	52
20	Ống nhựa bảo vệ môi	Ống nhựa bảo vệ môi sử dụng để bao bọc dây cung niti, SS trong chỉnh nha giúp các đầu dây cung không làm tổn thương niêm mạc môi má - Chất liệu: nhựa, không có latex - Chiều dài: ≥ 3m (tối thiểu có loại 3m) - Đường kính: ≤ 0.27mm (tối thiểu có loại 0.27mm) - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cuộn	100
21	Catheter động mạch, tĩnh mạch dưới đòn trẻ sơ sinh	Catheter động mạch, tĩnh mạch dưới đòn trẻ sơ sinh dùng đo huyết áp động mạch, truyền dịch, truyền thuốc - Chất liệu bằng polyurethane - Gồm 1 catheter đường kính 2Fr, chiều dài khoảng 4 - 8cm; 1 kim dẫn đường cỡ 22G, chiều dài 42 ± 1mm; 1 guidewire 23 ± 1cm, đường kính 0.45 - 0.47mm - Tốc độ truyền dịch 17 ml/phút - Tiệt khuẩn - Chứng nhận: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Châu Âu)	Cái	270
22	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, bằng polyurethane 4.5Fr, 5.5Fr dài 6cm, 8cm, 13cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường trẻ em 4.5Fr, 5.5Fr cỡ nòng 20G, 22G, 22G - Chất liệu: Catheter polyurethane, có cản quang, dây dẫn làm bằng hợp kim Nickel-Titan, chống gãy gấp - Catheter 4.5Fr dài 6 - 8cm, cây nòng 5Fr x 6cm - Catheter 5.5Fr dài 8 - 13cm, cây nòng 6Fr x 7cm - Dây dẫn 0.018" x 45cm, bơm tiêm, kim thẳng 21G x 4cm - Tốc độ dòng 4.5Fr (15-36ml/ph); 5.5Fr là (20-42 ml/ph) - Tiệt khuẩn - Chứng nhận: CE (Châu Âu)	Bộ	550
23	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp H2O2, cỡ 105 x 18 mm (± 05%)	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp H2O2 - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được chỉ thị hóa học trước - sau tiệt khuẩn - Kích thước: 105 x 18 mm (± 05%) - Không chứa kim loại nặng - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc MDR	Que	63.750

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
24	Dây cáp đo huyết áp động mạch xâm lấn, tương thích máy EV1000	Dây cáp đo huyết áp động mạch xâm lấn - Gồm bộ cảm biến đo áp lực, ống xả, bộ dẫn truyền tĩnh mạch, 2 khóa 3 ngã - Tương thích máy EV1000 của Bệnh viện	Bộ	315
25	Dây nối dùng truyền thuốc qua bơm tiêm điện, dài 150 - 155cm	Dây nối dùng trong truyền thuốc qua bơm tiêm điện - Chất liệu: PE, không có PVC, trong suốt, chống xoắn - Chiều dài: 150 - 155cm, đường kính trong khoảng 1.0 - 1.3mm, đường kính ngoài khoảng 2.0 - 2.5mm - Thể tích đuôi khí $\leq 1.5\text{ml}$ - Kháng lực ≥ 18.5 psi hoặc tương đương - Áp lực hút 450mmHg hoặc tương đương - Đầu nối male và female, tương thích với các loại bơm tiêm và catheter, dây có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu, có màu đỏ phân biệt đầu ra, đầu vô - Tiệt khuẩn - Chứng nhận: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Yêu cầu khi sử dụng: mềm dẻo, đảm bảo không rò rỉ	Cái	18.000
26	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 7 x 10cm ($\pm 05\%$)	Gạc gắn băng dính trong suốt dùng trong băng vết thương, vết mổ < 7cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane, phủ lớp keo Acrylic 30 ± 3 g/m ² , kích thước nền băng 7 x 10cm ($\pm 05\%$) - Lớp gạc ở giữa: bằng vải viscose và polyester, kích thước gạc (3-4) x 7cm, lớp chống dính HDPE - Mức thấm hơi nước: ≥ 500 g/m ² /24 giờ - Lực dính: $\geq 1\text{N/cm}$ - Tiệt khuẩn - Chứng nhận: CE (Châu Âu) hoặc Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Miếng	25.000
27	Gạc xốp (foam) 6 x 7cm, màng film phủ ngoài, cỡ 10 x 11cm ($\pm 05\%$)	Gạc xốp (foam) dùng cho vết thương tiết dịch từ ít đến nhiều, tại các vị trí như gót chân hoặc khuỷu tay, cùi chỏ - Chất liệu: lớp nền dạng foam, chất liệu Polyurethane >30%, kích thước 6 x 7.5cm ($\pm 05\%$), tráng lớp keo tráng Acrylate: < 13%, lớp vải không dệt 5 - 15%, lớp màng Film bằng Polyurethane phủ ngoài cùng, bán thấm, khoảng 5 - 10%, kích thước 10 x 11cm ($\pm 05\%$) - Đặc tính: hình bầu dục, không thấm nước, ngăn vi khuẩn và virus có đường kính $\geq 27\text{nm}$, khả năng thấm hút dịch tiết tối thiểu 85ml - Thời gian lưu băng khoảng 5- 7 ngày - Tiệt khuẩn từng miếng - Chứng nhận: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	1.000

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
28	Găng tay tiệt khuẩn sử dụng hút đàm, bằng Polyethylen	Găng tay sử dụng hút đàm - Chất liệu: bằng Polyethylen, trong suốt - Kích cỡ: S, 1 chiếc - Chiều dài từ đầu ngón giữa đến cổ tay: 290mm ± 10mm. Chiều rộng cổ tay: 136mm ± 3mm - Độ dày khoảng 0.008 - 0.04mm - Đặc điểm: các ngón thẳng, phù hợp với người thuận tay trái hoặc tay phải, các mép đảm bảo kín - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	134.000
29	Lọ lấy đàm tiệt khuẩn, các cỡ	Lọ lấy mẫu đàm trong phế quản - Lọ chứa đàm bằng PVC, có vạch đo, thể tích chứa 20 - 25ml - Nắp đậy bằng nhựa, trên nắp có 2 dây hút bằng nhựa PVC mềm trong: 1 dây hút đàm, có 2 lỗ hút mặt bên và 1 dây nối có van kiểm soát - Kích cỡ dây hút đàm 6Fr, 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr (tối thiểu có 4 cỡ) - Chiều dài dây hút đàm: ≥ 32cm (cỡ trẻ em 6Fr, 8Fr, 10Fr) - Chiều dài dây hút đàm: ≥ 55cm (cỡ người lớn 12Fr, 14Fr) - Chiều dài dây nối ≥ 45cm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận: CE (Châu Âu) hoặc Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	11.000
30	Mặt nạ (mask) khí dung dùng cho trẻ em, người lớn	Mặt nạ (mask) khí dung dùng cho trẻ em, người lớn. Bao gồm: - 01 mặt nạ: bằng nhựa PVC, không latex, trên mặt nạ có kẹp mũi và đính kèm dây cố định mặt nạ vào mặt người bệnh, đường kính 2 lỗ bên khoảng 2cm - Kích cỡ người lớn: 8 x (13 ± 1)cm - Kích cỡ trẻ em: 7 x (11 ± 1)cm - Bầu chứa thuốc 8ml, đường kính 17 ± 0.5mm, bầu thẳng đứng, giảm tổn động thuốc sau khi phun, kích thước hạt 3 - 7 µm - 01 dây nối dài khoảng 2m, tương thích với máy phun khí dung tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Chứng nhận: CE (Châu Âu) hoặc Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	18.500
31	Miếng dán điện cực, hình chữ nhật, cỡ 3.6 x (4.5 - 5.0) cm	Miếng dán điện cực dùng trong đo ECG, Holter, theo dõi điện tim của người bệnh qua monitor - Chất liệu: nút điện cực bằng thép không gỉ, lớp nền xốp phủ gel dính keo Acrylate - Kích cỡ: 3.6 x (4.5 - 5.0) cm - Đặc tính: hình chữ nhật, góc bo tròn - Chứng nhận: CE (Châu Âu) và Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	cái	140.000

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
32	Ống cho ăn, bằng 100% silicone, cỡ từ 6 → 20Fr	Ống cho ăn thông mũi dạ dày lưu dài ngày - Chất liệu: 100% silicone - Kích cỡ: 6 - 20Fr, (tối thiểu 8 kích cỡ), đường kính trong: 1 - 4.5 mm - Chiều dài ống 50 - 96cm - Đặc tính: đầu ống bo tròn, có tối thiểu 04 lỗ trên ống, có đường cản quang, đầu tip cản quang, có vạch đánh dấu chiều dài trên ống, có phễu và nắp (đầu tip đóng) - Tiệt khuẩn - Chứng nhận: CE (Châu Âu) hoặc Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	3.400
33	Ống cho ăn, bằng polyurethane	Ống cho ăn, thông mũi dạ dày lưu dài ngày - Chất liệu bằng Polyurethane trong suốt, phủ đầu silicone - Kích cỡ: 8 - 18Fr (tối thiểu phải có cỡ: 14Fr hoặc 15Fr hoặc 16Fr); đường kính: 2.5 - 6.0 mm; chiều dài khoảng 110 - 120cm - Trên thân ống có vạch chia, có tối thiểu 1 đường cản quang - Có cổng nối thấp ở nối chữ Y, cổng nối khóa luer, tương thích với đầu nối của hệ thống dây cho ăn - Chứng nhận: CE (Châu Âu) hoặc Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	3.000
34	Ống nội khí quản công miệng có bóng chèn hình oval, cỡ 5.0 → 8.5	Ống nội khí quản công miệng có bóng chèn hình oval - Chất liệu bằng nhựa Polyvinylchlorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. Đầu ống bo tròn, có dây cản quang, bóng chèn hình oval có thể tích lớn, áp lực bóng chèn thấp < 27cm H2O - Kích cỡ: số 5.0; 5.5; 6.0; 6.5; 7.0; 7.5; 8.5 - Kính cỡ ống trong và ngoài: 5/6.8; 5.5/7.5; 6/8.2; 6.5/8.9; 7/9.6; 7.5/10.2; 8/10.9; 8.5/11.5 - Đường kính bóng chèn: 16 - 28mm - Chiều dài ống: 240 - 330mm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu) - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gập	Bộ	10.000
35	Ống nội khí quản công miệng không bóng chèn, cỡ 2.5 → 6.5	Ống nội khí quản công miệng không bóng chèn - Ống bằng nhựa Polyvinylchlorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0, 5.5, 6.0, 6.5 - Đường kính trong: 2.5 - 6.5 mm, đường kính ngoài: 3.6 - 8.8mm, chiều dài ống: 130 - 290mm - Ống có 1 vạch chạy dọc thân giúp định vị ống. Đầu ống vê tù và có mắt được đánh nhãn bóng - Đóng gói tiệt khuẩn - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gập - Chứng nhận: CE (Châu Âu)	Bộ	750

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
36	Ống thông tiêu 2 nhánh, 100% silicone, cỡ 12 → 26Fr	Ống thông tiêu 2 nhánh - Chất liệu: 100% silicone, thành bóng mỏng, kích thước bóng khi bơm có hình cầu hoặc hình tròn - Kích cỡ: 12 → 26Fr (tối thiểu 8 cỡ) - Đường kính trong 2.5 - 5.5mm, chiều dài ống 40 - 43cm - Đặc điểm: Dung tích bóng chèn 10ml, lòng ống rộng, đầu tip cân quang, trên ống có đường cân quang, van bơm luer lock bằng nhựa ABS, phân biệt kích cỡ theo mã màu - Tiệt khuẩn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	4.000
37	Túi chứa nước tiểu, có bộ đo thể tích, 2000ml	Túi chứa nước tiểu, có bộ đo thể tích - Chất liệu: PP, PVC, TPR, PE, SAN, ABS, Acrylic Co-polymer, MB - Kích thước: khoang chứa 500ml, túi chứa 2000ml - Ống dẫn nước tiểu dài 120 - 125cm - Có 4 ngăn đo: ngăn đo đầu tiên $\geq 50\text{ml}$ có vạch chia $\leq 1\text{ml}$; 3 ngăn đo còn lại với vạch chia $\leq 5\text{ml}$. - Có van chống trào ngược, màng lọc khuẩn 5 μm; có kẹp và van xả chữ T, có cổng lấy mẫu không cần kim - Tiệt khuẩn - Chứng nhận: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	6.000
38	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether phủ bạc, cỡ 10 x 7.5 x 3.2cm ($\pm 05\%$)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane ester, có phủ bạc, kích thước lỗ 400 - 600μm, kích thước xốp 10 x 7.5 x 3.2cm ($\pm 05\%$) - Xốp granufoam phủ bạc được oxy hóa bởi dịch tiết vết thương thành ion bạc làm phá hủy tế bào vi khuẩn - Dây dẫn và đầu nối có cảm biến cân bằng áp lực - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Băng dán cố định trong suốt 30.5 x 26cm ($\pm 05\%$) - Thước đo - Xốp phủ hạt nano bạc - Tiệt khuẩn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) - Chứng nhận: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	100

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
39	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 10 x 7.5 x 3.2cm ($\pm 05\%$)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane ether, cấu trúc lỗ mở 400 - 600 μms , hydrophobic construction không giữ nước, kích thước miếng xốp 10 x 7.5 x 3.2cm ($\pm 05\%$) - Dây dẫn và đầu nối có sensor lumen cảm biến cân bằng áp lực - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Băng dán cố định trong suốt 30 x 25cm ($\pm 05\%$) - Thước đo - Tiệt khuẩn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) - Chứng nhận: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	125
40	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 25 x 15 x 1.6cm ($\pm 05\%$), có chức năng tưới rửa	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa gồm: - 2 miếng xốp bằng Polyurethane ether, kích thước lỗ 400 - 600 μm , kích thước miếng xốp 25 x 15 x 1.6cm ($\pm 05\%$) - 2 dây dẫn và đầu nối (dây dẫn nước và dây hút), đầu hút có các cảm biến phản hồi áp suất và thực hiện điều chỉnh áp suất đầu ra của bơm - Băng dán cố định trong suốt - 2 gói chứa dung dịch phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết - Thước đo - Điều chỉnh được lượng dung dịch rửa và thời gian tưới ngâm rửa vết thương. - Tiệt khuẩn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu) - Chứng nhận: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	100
41	Bao chi đùi, phòng ngừa huyết khối, size M	Bao chi đùi, phòng ngừa huyết khối, size M - Chất liệu: airflow light - Chỉ số thoáng khí 12.5 - 13.0 m ² Pa/W - Chỉ số giảm nhiệt TOG 0.8 - Kích thước: ≤ 71 cm, dạng 1 khoang - Lực nén: 40 - 65 mmHg/ 12 giây trong chu kỳ 60 giây - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Đôi	50
42	Băng đàn hồi, tự dính, chiều rộng 10cm, chiều dài 4.5 $\pm$ 0.05m	Băng đàn hồi tự dính dùng để cố định hoặc băng ép - Chất liệu: Cao su thiên nhiên khoảng 50 - 65%, vải polyester khoảng 10 - 20%, vải polyurethane co giãn khoảng 10 - 20%, chất kết dính polymer acrylic khoảng 10 - 20% - Chiều rộng 10cm, chiều dài khoảng 4.5 $\pm$ 0.05m - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	1.000

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
43	Bộ dây dẫn đường dùng cho ống soi khí phế quản siêu âm, dùng 1 lần	Bộ dây dẫn đường dùng cho ống soi khí phế quản siêu âm, dùng 1 lần - Chức năng: dẫn hướng nhằm hỗ trợ khả năng chẩn đoán nội soi khí phế quản - Chất liệu ống dẫn: nhựa Fluororesin - Chất liệu thân kim sinh thiết: thép không gỉ - Đường kính ngoài vỏ dẫn: khoảng 1.9 - 2.0mm, chiều dài làm việc 1050mm - Có nút chặn, có thể kết hợp với đầu dò và thao tác dưới huỳnh quang - Bộ phận đi kèm: + 01 kim sinh thiết, dùng 1 lần: ngàm oval, có thể xoay được, phù hợp kênh làm việc có đường kính 2.0mm, chiều dài làm việc 1150mm + ET stopper, US Stopper - Tương thích với ống soi khí phế quản BF-P190 (Hệ thống nội soi khí phế quản siêu âm của Bệnh viện) - Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	270
44	Chỉ thị hóa học đa thông số dùng cho tiết khuẩn hơi nước, cỡ 7.0 x 2.3cm ($\pm 05\%$)	Chỉ thị hóa học đa thông số nhóm 5 (nhiệt độ, thời gian, hơi nước) dùng kiểm tra chất lượng tiết khuẩn của gói dụng cụ - Thành phần: giấy, mực in chỉ thị - Kích thước: 7.0 x 2.3cm ($\pm 05\%$) - Áp dụng cho quy trình tiết khuẩn hơi nước 132 - 134°C và 121°C - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị hóa học trước - sau tiết khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc MDR	miếng	113.000
45	Hệ thống dây dẫn trong lọc máu 5 trong 1	Hệ thống dây dẫn trong lọc máu 5 trong 1 - Chất liệu PVC mềm, chống xoắn, không chứa DEHP - Bao gồm: 01 bộ dây lọc máu, 2 cái transducer protector, dây truyền dịch, túi xả 2 lít - Đường kính dây bơm: 8 x 12mm, dài 350mm hoặc 420mm - Bầu nhỏ giọt đường kính 20mm hoặc 22mm, có màng lọc; có dây kết nối chữ T hoặc chữ Y (hoặc hình dạng 3 chạc) - Tổng chiều dài dây động mạch: 4000 ± 20mm, tổng chiều dài dây tĩnh mạch 3220 ± 20mm. - Trọng lượng dây động mạch: 130 ± 10g, trọng lượng dây tĩnh mạch: 89 ± 10g - Tiết khuẩn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	24.000

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
46	Kim sinh thiết dùng 1 lần, dùng với ống soi khí phế quản siêu âm, cỡ 21G, 22G	Kim sinh thiết dùng 1 lần, dùng với ống soi khí phế quản siêu âm để chọc hút lấy sinh thiết dưới chế độ siêu âm - Cỡ kim: 21G, 22G - Chiều dài kim: 20 - 40mm - Tay cầm điều chỉnh 2 chiều - Dụng cụ kèm theo: bơm tiêm 20ml có nút chặn; 1 van nối kênh sinh thiết - Tương thích với kênh dụng cụ có đường kính 2.0mm và chiều dài làm việc 700mm - Tương thích với ống soi khí phế quản BF-UC190F (Hệ thống nội soi khí phế quản siêu âm của Bệnh viện) - Tiệt khuẩn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	225
47	Túi đặt ngực hình tròn bề mặt trơn, thể tích 150cc - 375cc	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn - Chất liệu silicone gel - Thể tích: 150cc - 375cc (tối thiểu 6 thể tích) - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	50
48	Gạc xốp (foam), 10 x 10cm (±05%)	Gạc xốp (foam), không dính - Chất liệu: polyurethane có độ thấm hút cao và lớp film polyurethane bán thấm phủ ngoài - Kích thước: 10 x 10cm (±05%), dày 5 - 6mm - Đặc tính: Ngăn chặn quá trình hình thành vảy và giảm thiểu tối đa quá trình hình thành sẹo - Tốc độ thoát hơi ẩm $\geq 0.7 \text{ g/cm}^2/\text{ngày}$, hấp thụ dịch $\geq 0.5 \text{ g/cm}^2/\text{ngày}$ - Thời gian lưu: có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	230
49	Gạc xốp (foam), 15 x 15cm (±05%)	Gạc xốp (foam), không dính - Chất liệu: polyurethane có độ thấm hút cao và lớp film polyurethane bán thấm phủ ngoài - Kích thước: 15 x 15cm (±05%), dày 5-6mm - Đặc tính: Ngăn chặn quá trình hình thành vảy và giảm thiểu tối đa quá trình hình thành sẹo - Tốc độ thoát hơi ẩm $\geq 0.7 \text{ g/cm}^2/\text{ngày}$, hấp thụ dịch $\geq 0.5 \text{ g/cm}^2/\text{ngày}$ - Thời gian lưu: có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	380

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
50	Gạc xốp (foam), 15 x 15cm (±05%), tự dính	Gạc xốp (foam), tự dính - Chất liệu: miếng xốp polyurethane có độ thấm hút cao và lớp film polyurethane bán thấm phủ ngoài, lớp dính được bọc bởi 1 màng film. - Kích thước: 15 x 15cm (±05%), dày 4-5mm - Đặc tính: có độ thấm hút cao, có khả năng tự bám dính vào bề mặt vết thương - Thời gian lưu: có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương. - Tiệt khuẩn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	100
51	Băng xốp Polyurethane, lớp băng dính phủ silicone, trong suốt, cỡ 7.5 x 7.5cm (±05%)	Băng xốp Polyurethane, lớp băng dính phủ silicone, 3 lớp + Lớp bảo vệ (viền bám dính phủ film silicone đục lỗ tự dính): Màng film P.U bán thấm phủ ngoài chống thấm nước + Lớp hấp thụ (polyurethane foam thấm hút, phủ silicone tự dính): chứa Sodium Alginate khoảng 0.9%, hấp thụ gấp 15-20 lần trọng lượng của băng. + Lớp tiếp xúc chống dính vết thương: Kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 15 - 55µm. - Kích thước băng: 7.5 x 7.5cm (±05%) - Kích thước lớp foam: (5 x 5 x 0.2) cm (±5%) - Tốc độ thoát hơi ẩm: ≥ 1.550g/m2/ngày. - Khả năng thấm hút dịch: ≥ 3.100g/m2/ngày. - Thời gian lưu băng lên tới 7 ngày - Tiệt khuẩn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	500
52	Băng xốp Polyurethane, lớp băng dính phủ silicone, trong suốt, cỡ 10 x 10cm (±05%)	Băng xốp Polyurethane, lớp băng dính phủ silicone 3 lớp + Lớp bảo vệ (viền bám dính phủ film silicone đục lỗ tự dính): Màng film P.U bán thấm phủ ngoài chống thấm nước + Lớp hấp thụ (polyurethane foam thấm hút, phủ silicone tự dính): chứa Sodium Alginate khoảng 0.9%, hấp thụ gấp 15-20 lần trọng lượng của băng. + Lớp tiếp xúc chống dính vết thương: Kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 15 - 55µm. - Kích thước: 10 x 10cm (±05%) - Kích thước lớp foam: 6.5 x 6.5 x 0.2 cm (±05%) - Tốc độ thoát hơi ẩm: ≥ 1.550g/m2/ngày - Khả năng thấm hút dịch: ≥ 3.100g/m2/ngày - Thời gian lưu băng lên tới 7 ngày - Tiệt khuẩn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	500

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
53	Băng xốp Polyurethane, cỡ 10 x 10cm (±05%), tự dính	Băng xốp Polyurethane 3 lớp + Lớp bảo vệ: Màng film P.U bán thấm phủ ngoài chống thấm nước, ngăn chặn sự xâm nhập của vi khuẩn. + Lớp hấp thụ (polyurethane foam thấm hút): chứa Sodium Alginate 0.9%, hấp thụ gấp 15-20 lần trọng lượng của băng. + Lớp tiếp xúc chống dính vết thương (phủ film silicone đục lỗ tự dính): Kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 15 - 55µm. - Kích thước: 10 x 10 x 0.2 cm (±05%) - Tốc độ thoát hơi ẩm: ≥ 1.400g/m2/ngày - Khả năng thấm hút dịch: ≥ 5.600g/m2/ngày - Thời gian lưu băng lên tới 7 ngày - Tiết khuẩn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	500
54	Băng xốp Polyurethane, cỡ 10 x 10cm (±05%), không dính	Băng xốp Polyurethane 3 lớp + Lớp bảo vệ: Màng film P.U bán thấm phủ ngoài chống thấm nước, ngăn chặn sự xâm nhập của vi khuẩn. + Lớp hấp thụ (polyurethane foam thấm hút): chứa Sodium Alginate 0.9%, silver nitrate (AgNO3) 1 %, hấp thụ gấp 15-20 lần trọng lượng của băng. + Lớp tiếp xúc chống dính vết thương: Kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 15 - 55µm - Kích thước: 10 x 10 x 0.5 cm (±05%) - Tốc độ thoát hơi ẩm: ≥ 1.400g/m2/ngày - Khả năng thấm hút dịch: ≥ 5.600g/m2/ngày - Thời gian lưu băng lên tới 7 ngày - Tiết khuẩn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	500
55	Gạc xốp (foam), cỡ 5 x 5 cm (±1cm), dày 0.8 – 1.0 cm	Gạc xốp (foam) hỗ trợ sự hình thành các sợi và sợi collagen nội sinh, thúc đẩy quá trình chữa lành vết thương - Thành phần: 100% collagen từ da bê - Kích thước: 5 x 5 cm (±1cm), dày 0.8 – 1.0cm - Tiết khuẩn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Miếng	300
56	Gạc Alginate, có chứa mật ong, cỡ 10x10cm (±05%)	Gạc Alginate giúp duy trì môi trường ẩm hỗ trợ làm lành vết thương nông, sâu, hoại tử,... - Thành phần chứa 100% mật ong - Kích thước: 10x10cm (±05%) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Miếng	300

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
57	Gạc xốp (foam) 5 lớp, cỡ 12 x 12 cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) hút dịch tiết thấm hút dịch tiết cao, dùng cho các vết thương phẫu thuật - Thành phần: Silicone, polyurethane, polymer - 5 lớp gồm: + Lớp bảo vệ bên ngoài, chống nước, chống vi trùng + Lớp sợi polymer siêu thấm hút + Lớp phân tán dịch tiết, tăng thoát hơi + Xốp Polyurethane thấm hút + Lớp OptiSil Silicone tự dính - Kích thước: 12 x 12 cm (± 0.5) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	300
58	Dung dịch điều trị vết thương có thành phần mật ong	Dung dịch điều trị vết thương hoại tử, vết loét do tì đè, vết thương phẫu thuật,.... - Thành phần: 100% mật ong - Trọng lượng: 20g ($\pm 05\%$) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tuýp	300
59	Điện cực sâu cấp đồng, 5 điểm tiếp xúc, khoảng cách điểm tiếp xúc 1.0 - 2.0 mm	Điện cực sâu cấp đồng, 5 điểm tiếp xúc dùng ghi tín hiệu điện não sâu trong sọ và có thể sử dụng để đốt hỗ trợ loại bỏ vùng động kinh - Chất liệu Platinum hoặc Iridium - Kích thước điểm tiếp xúc 2 mm - Khoảng cách giữa các đầu điểm tiếp xúc khoảng 1.0 - 2.0 mm - Đường kính điện cực khoảng 0.8 - 1.0 mm - Chiều dài khoảng 14 - 18 mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2
60	Điện cực sâu cấp đồng, 8 điểm tiếp xúc, khoảng cách điểm tiếp xúc 1.0 - 2.0 mm	Điện cực sâu cấp đồng, 8 điểm tiếp xúc dùng ghi tín hiệu điện não sâu trong sọ và có thể sử dụng để đốt hỗ trợ loại bỏ vùng động kinh - Chất liệu Platinum hoặc Iridium - Kích thước điểm tiếp xúc 2 mm - Khoảng cách giữa các đầu điểm tiếp xúc khoảng 1.0 - 2.0 mm - Đường kính điện cực khoảng 0.8 - 1.0 mm - Chiều dài khoảng 26 - 27 mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2
61	Điện cực sâu cấp đồng, 10 điểm tiếp xúc, khoảng cách điểm tiếp xúc 1.0 - 2.0 mm	Điện cực sâu cấp đồng, 10 điểm tiếp xúc dùng ghi tín hiệu điện não sâu trong sọ và có thể sử dụng để đốt hỗ trợ loại bỏ vùng động kinh - Chất liệu Platinum hoặc Iridium - Kích thước điểm tiếp xúc 2 mm - Khoảng cách giữa các đầu điểm tiếp xúc khoảng 1.0 - 2.0 mm - Đường kính điện cực khoảng 0.8 - 1.0 mm - Chiều dài khoảng 33 - 34 mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
62	Điện cực sâu cấp đông, 12 điểm tiếp xúc, khoảng cách điểm tiếp xúc 1.0 - 2.0 mm	Điện cực sâu cấp đông, 12 điểm tiếp xúc dùng ghi tín hiệu điện não sâu trong sọ và có thể sử dụng để đốt hỗ trợ loại bỏ vùng động kinh - Chất liệu Platinum hoặc Iridium - Kích thước điểm tiếp xúc 2 mm - Khoảng cách giữa các đầu điểm tiếp xúc khoảng 1.0 - 2.0 mm - Đường kính điện cực khoảng 0.8 - 1.0 mm - Chiều dài khoảng 40 - 41 mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2
63	Điện cực sâu cấp đông, 15 điểm tiếp xúc, khoảng cách điểm tiếp xúc 1.0 - 2.0 mm	Điện cực sâu cấp đông, 15 điểm tiếp xúc dùng ghi tín hiệu điện não sâu trong sọ và có thể sử dụng để đốt hỗ trợ loại bỏ vùng động kinh - Chất liệu Platinum hoặc Iridium - Kích thước điểm tiếp xúc 2 mm - Khoảng cách giữa các đầu điểm tiếp xúc khoảng 1.0 - 2.0 mm - Đường kính điện cực khoảng 0.8 - 1.0 mm - Chiều dài khoảng 50 - 51 mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2
64	Cáp kết nối điện cực sâu nội sọ loại 5 điểm tiếp xúc	Cáp kết nối điện cực sâu nội sọ loại 5 điểm tiếp xúc - Chiều dài khoảng 170 - 200 cm - Đầu cắm cách nhiệt - Tương thích với "Điện cực sâu cấp đông, 5 điểm tiếp xúc, khoảng cách điểm tiếp xúc 1.0 - 2.0 mm" tại danh mục mời thầu	Cái	2
65	Cáp kết nối điện cực sâu nội sọ loại 8 điểm tiếp xúc	Cáp kết nối điện cực sâu nội sọ loại 8 điểm tiếp xúc - Chiều dài khoảng 170 - 200 cm - Đầu cắm cách nhiệt - Tương thích với "Điện cực sâu cấp đông, 8 điểm tiếp xúc, khoảng cách điểm tiếp xúc 1.0 - 2.0 mm" tại danh mục mời thầu	Cái	2
66	Cáp kết nối điện cực sâu nội sọ loại 10 điểm tiếp xúc	Cáp kết nối điện cực sâu nội sọ loại 10 điểm tiếp xúc - Chiều dài khoảng 170 - 200 cm - Đầu cắm cách nhiệt - Tương thích với "Điện cực sâu cấp đông, 10 điểm tiếp xúc, khoảng cách điểm tiếp xúc 1.0 - 2.0 mm" tại danh mục mời thầu	Cái	2
67	Cáp kết nối điện cực sâu nội sọ loại 12 điểm tiếp xúc	Cáp kết nối điện cực sâu nội sọ loại 12 điểm tiếp xúc - Chiều dài khoảng 170 - 200 cm - Đầu cắm cách nhiệt - Tương thích với "Điện cực sâu cấp đông, 12 điểm tiếp xúc, khoảng cách điểm tiếp xúc 1.0 - 2.0 mm" tại danh mục mời thầu	Cái	2
68	Cáp kết nối điện cực sâu nội sọ loại 15 điểm tiếp xúc	Cáp kết nối điện cực sâu nội sọ loại 15 điểm tiếp xúc - Chiều dài khoảng 170 - 200 cm - Đầu cắm cách nhiệt - Tương thích với "Điện cực sâu cấp đông, 15 điểm tiếp xúc, khoảng cách điểm tiếp xúc 1.0 - 2.0 mm" tại danh mục mời thầu	Cái	2

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
69	Kim thăm dò dùng để tạo đường đi cho điện cực sâu	Kim thăm dò dùng để tạo đường đi cho điện cực sâu - Chất liệu: Thép không gỉ - Có vít cố định và nắp chặn - Đầu Tip thiết kế dạng bán cầu - Đường kính khoảng 0.8 - 1.0mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10
70	Vít dẫn đường được dùng để cố định vào xương qua da, dài 18 - 22mm	Vít dẫn đường được dùng để cố định vào xương qua da - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đầu ren dài khoảng 4 - 6 mm, đầu vít tự khoan - Chiều dài vít định vị khoảng 18 - 22 mm - Tương thích với "Mũi khoan sọ có chốt chặn độ sâu, đường kính 2.0 - 2.2mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
71	Vít dẫn đường được dùng để cố định vào xương qua da, dài 24 - 26mm	Vít dẫn đường được dùng để cố định vào xương qua da - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đầu ren dài khoảng 4 - 6 mm, đầu vít tự khoan - Chiều dài vít định vị khoảng 24 - 26 mm - Tương thích với "Mũi khoan sọ có chốt chặn độ sâu, đường kính 2.0 - 2.2mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
72	Mũi khoan sọ có chốt chặn độ sâu, đường kính 2.0 - 2.2mm	Mũi khoan sọ có chốt chặn độ sâu - Chất liệu: Thép không gỉ và Ceramic - Đường kính khoan khoảng 2.0 - 2.2 mm - Chiều dài mũi khoan khoảng 200 - 210 mm - Chiều dài phần khoan khoảng 20 - 25 mm - Tương thích với "Vít dẫn đường được dùng để cố định vào xương qua da, dài 18 - 22mm", "Vít dẫn đường được dùng để cố định vào xương qua da, dài 24 - 26mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	1
73	Ống nong dẫn đường dùng trong phẫu thuật hút máu tụ, u não	Ống nong dẫn đường dùng trong phẫu thuật hút máu tụ, u não - Chất liệu: Nhựa - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 30mm, 50mm, 70mm. - Chiều rộng có tối thiểu các cỡ 6mm, 12mm, 17mm, 21mm, 28mm - Ống nong gồm 2 phần: ống dẫn và ống làm việc, được cố định bằng cơ chế khóa lò xo - Thiết kế ống dạng hình nón - Tương thích với bộ khung vén não của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	1

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
74	Vít chân cung rộng, ren đôi đa trục kèm vít khóa trong, đường kính 4.5 - 8.0 mm	Vít chân cung rộng, ren đôi đa trục kèm vít khóa trong dùng phẫu thuật cột sống xâm lấn tối thiểu - Chất liệu Ti-6Al-4V ELI - Thân vít rộng, có 2/3 ren trước là ren bén bắt vào xương xốp, 1/3 ren sau là ren tù bắt vào vỏ xương - Đầu vít góc xoay từ 0° đến 40° - Đường kính có tối thiểu các cỡ 4.5, 5.0, 5.5, 6.0, 6.5, 7.5, 8.0 mm - Chiều dài trong khoảng 25 - 100mm - Tương thích với "Nẹp dọc uốn sẵn, đường kính 5.5mm, dài 30 - 300 mm", "Đĩa đệm cột sống lưng nhân tạo có răng cưa loại cong" tại danh mục mời thầu, và "Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 6 - 16mm, độ nghiêng 0° - 8°" đã trúng thầu Quyết định 3695/QĐ-BVĐHYD ngày ????? - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	200
75	Nẹp dọc uốn sẵn, đường kính 5.5mm, dài 30 - 300 mm	Nẹp dọc uốn sẵn dùng phẫu thuật cột sống xâm lấn tối thiểu - Chất liệu Ti-6Al-4V ELI - Đường kính có tối thiểu cỡ 5.5mm - Dài trong khoảng 30 - 50mm với bước tăng 5mm, 50 - 300mm với bước tăng 10mm - Đầu nẹp có thiết kế hình viên đạn - Tương thích với "Vít chân cung rộng, ren đôi đa trục kèm vít khóa trong, đường kính 4.5 - 8.0 mm", "Đĩa đệm cột sống lưng nhân tạo có răng cưa loại cong" tại danh mục mời thầu, và "Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 6 - 16mm, độ nghiêng 0° - 8°" đã trúng thầu Quyết định 3695/QĐ-BVĐHYD ??????? - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	100
76	Đĩa đệm cột sống lưng nhân tạo có răng cưa loại cong	Đĩa đệm cột sống lưng nhân tạo có răng cưa loại cong, có rãnh và khoang để nhét xương - Chất liệu PEEK - Chiều rộng có tối thiểu cỡ 11mm - Độ cao trong khoảng 8 - 14mm, có ≥ 6 cỡ - Chiều dài trong khoảng 26 - 32mm, có ≥ 4 cỡ - Tương thích với "Nẹp dọc uốn sẵn, đường kính 5.5mm, dài 30 - 300 mm", "Vít chân cung rộng, ren đôi đa trục kèm vít khóa trong, đường kính 4.5 - 8.0 mm" tại danh mục mời thầu, và "Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 6 - 16mm, độ nghiêng 0° - 8°" đã trúng thầu Quyết định 3695/QĐ-BVĐHYD ngày ?????? - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	50

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
77	Bộ xi măng tạo hình thân đốt sống có giá đỡ nâng đốt sống	Bộ xi măng tạo hình thân đốt sống có giá đỡ nâng đốt sống 1. Xi măng gồm: + Dung dịch 9.2g: Methyl methacrylate 99.3%, N, N dimethyl-p-toluidine 0.7%, Hydroquinone 75 ppm. + Bột xi măng 25.8g: Poly methyl methacrylate 54.6%, Benzoyl peroxide 0.4%, Zirconium dioxide 45.0%. 2. Giá đỡ nâng đốt sống có 3 châu - Chất liệu Ti-6Al-4V - Đường kính có tối thiểu cỡ 5.0 mm - Chiều dài trong khoảng 25-26 mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	5
78	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng lõi bên	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng lõi bên - Chất liệu PEEK - Thiết kế đầu dạng hình viên đạn, thân dạng cong - Độ uốn có tối thiểu các độ: 6 độ, 12 độ - Dung tích trong khoảng 1.5 - 5.5 cc - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 40, 45, 50, 55, 60mm - Chiều rộng có tối thiểu cỡ 18mm - Chiều cao có tối thiểu các cỡ 8, 10, 12, 14mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
79	Bộ đinh nội tuỷ đầu trên xương đùi, vít dạng lưỡi và nén ép	Đinh nội tuỷ đầu trên xương đùi, vít dạng lưỡi và nén ép - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính đủ cỡ từ 9mm đến 12mm, bước tăng 1mm - Mặt trong và mặt ngoài vạt góc khoảng 5° - Góc vít cổ xương đùi trong khoảng 130° - 135° - Vít chốt ở cổ xương đùi có 2 loại: Dạng lưỡi chốt và dạng vít chốt - Nắp đinh + vít định vị: chống xoay ngược và ngăn chặn vít tụt ra - Có thể sử dụng vít tĩnh/vít động/cả hai vít - Thiết kế loại trái và phải Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	7

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
80	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm Ceramic miếng lót Polyethylene, vành ổ cối có đỉnh cố định chống lật và chống xoay	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu Titanium, phủ HA toàn bộ chuôi - Chiều dài có ≥ 7 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 120 - 130mm - Góc cổ thân trong khoảng 130° - 135° 2. Chỏm - Chất liệu Ceramic 3. Ổ cối - Chất liệu Cobalt - Chrome - Molybdenum, phủ Titanium, HA - Có ≥ 2 cỡ, tối thiểu có cỡ trong khoảng 42 - 44mm - Vành có ≥ 5 gai cố định chống lật và xoay 4. Miếng lót - Chất liệu polyethylene cao phân tử - Miếng lót và chỏm lắp sẵn với nhau, lớp đệm chuyển động bên trong ổ cối, chỏm chuyển động bên trong lớp đệm, tạo thành chuyển động kép. Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	25
81	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm thép không gỉ miếng lót Polyethylene, ổ cối có cỡ 44 - 60mm	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu Titanium, phủ Titanium và phủ lớp hydroxyapatite - Chiều dài có ≥ 7 cỡ, trong đó có cỡ khoảng 120 - 130mm - Góc cổ thân trong khoảng 130° - 135° 2. Chỏm - Chất liệu thép không gỉ 3. Ổ cối: - Chất liệu Cobalt - Chrome - Molybdenum, lớp bên dưới phủ Titanium, lớp trên phủ Hydroxyapatite toàn phần - Có ≥ 2 cỡ, tối thiểu có cỡ 44mm - Thiết kế: vành ngoài ổ cối có ≥ 4 đỉnh cố định chống xoay; đỉnh ổ cối có ≥ 3 đỉnh chống lật và xoay 4. Miếng lót - Chất liệu Polyethylene cao phân tử - Thiết kế: miếng lót và chỏm được đóng thành 1 khối, dạng chuyển động đôi, lớp đệm chuyển động trong ổ cối và chỏm chuyển động trong lớp đệm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	10

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
82	Nẹp khóa đầu dưới, phía bên xương cánh tay	Nẹp khóa đầu dưới, phía bên xương cánh tay - Chất liệu nẹp bằng thép không gỉ, Ron vít bằng Titanium - Đầu nẹp có ≥ 4 lỗ khóa, thân nẹp có đủ cỡ từ 4 lỗ đến 7 lỗ khóa - Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp, cơ chế khóa kiểu thiết kế hình nón côn. - Tương thích với "Vít khóa đường kính 2 - 3mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ ", "Vít khóa đường kính 3 - 4mm, đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ ", "Vít vỏ xương đường kính 2.7mm $\rightarrow$ 3.5mm đầu vít hình nón $\geq 2^\circ$ " tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	6
83	Vít chỉ khâu sụn chêm 2 neo	Vít chỉ khâu sụn chêm - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK), nút chỉ bằng UHMWP - Thiết kế: Cho phép bung neo tại mọi vị trí tay. Gồm hai neo dài ≥ 5 mm . Có khoá điều chỉnh độ sâu từ ≥ 15 mm. - Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	48
84	Vít chỉ neo khâu chóp xoay, bằng PLLA phủ HA, chỉ đôi, ren chuyển tiếp	Vít chỉ neo khâu chóp xoay dùng trong phẫu thuật Nội soi chóp xoay khớp vai - Chất liệu: neo bằng PLLA -HA. Chỉ siêu bền bằng UHMWPE - Đường kính ≥ 5.5 mm, có ≥ 2 cỡ đường kính - Thiết kế ren cắt ở đầu xa giúp dễ đặt neo và ren khoá ở đầu gần chống bật neo. - Kèm 2 sợi chỉ đôi Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	70
85	Vít neo tái tại dây chằng chéo tự chỉnh độ dài, vòng treo bằng Polyethylene cao phân tử	Vít neo dùng trong nội soi tái tạo dây chằng chéo khớp gối - Chất liệu nẹp bằng Titanium, vòng treo bằng Polyethylene cao phân tử - Nẹp dài trong khoảng 10 - 15mm, rộng trong khoảng 3 - 5mm, có khoảng 7 - 10 lỗ - Vòng treo dài thay đổi từ 10mm đến 90mm - Đường kính sợi vòng treo trong khoảng 1.5 - 2mm - Chỉ siêu bền bằng Polyester dùng kéo và lật chốt ngang Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	150

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
86	Xi măng hóa học thành phần có kháng sinh Gentamycine, có chất chỉ thị màu	Xi măng hóa học - Chất liệu Polymethyl Methacrylate, Zicronium dioxide, Benzoyl peroxide, Hydroquinone; có chứa chất kháng sinh Gentamycine, có chất chỉ thị màu - Bao gồm hộp có 1 gói xi măng nặng trong khoảng 40 - 50g và dung dịch pha - Thời gian thao tác ≥ 6 phút Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Lọ	24
87	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài 100 - 120mm, phủ μ - CaP, có cánh và rãnh chống xoay, chỏm lưỡnng cực 39 - 55mm	Bộ khớp háng bán phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu hợp kim Titanium, phủ lớp với μ -CaP (calcium phosphate) - Có ≥ 9 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 100 - 120mm - Có cánh chống xoay 2. Chỏm - Chất liệu Cobalt-chromium 3. Chỏm lưỡnng cực - Chất liệu: polyethylene cao phân tử, phủ ngoài thép không gỉ - Kích thước tối thiểu có cỡ trong khoảng 39 - 40mm - Biên độ xoay $\geq 135^\circ$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	18
88	Bộ khớp gối toàn phần cố định, mâm chày có vị trí gắn chuôi nổi dài và miếng ghép bù xương, miếng chêm Polyethylene, Vitamin E	Bộ khớp gối toàn phần cố định 1. Lồi cầu - Chất liệu Cobalt Chrome - Có ≥ 10 cỡ bên trái và ≥ 10 cỡ bên phải - Có thể giữ lại dây chằng chéo sau. - Độ gấp trung bình $\geq 150^\circ$ 2. Mâm chày - Chất liệu Titanium - Có ≥ 7 cỡ - Cuồng chân mâm chày dài ≥ 30 mm - Mâm chày dạng cố định, có vị trí gắn chuỗi nổi dài và miếng ghép bù xương - Độ dày miếng ghép bù xương mâm chày trong/ ngoài có cỡ 5, 10mm 3. Miếng chêm - Chất liệu Polyethylene có vitamin E - Có ≥ 5 cỡ, có cỡ dày 9mm - Có gờ khóa chống trật, cạnh trước cao ≥ 10 mm 4. Bánh chề - Chất liệu: Polyethylene liên kết chéo - Kích thước: đường kính khoảng 25 - 45mm. Bề dày khoảng 7 - 10mm - Thiết kế: thiết kế bánh chề dạng vòm với 3 chân cố định và rãnh chứa xi măng 5. Xi măng Tiệt khuẩn	Bộ	40

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
89	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài 100 - 120mm, phủ Titanium Plasma, chỏm lưỡng cực 37 - 56mm	Bộ khớp háng bán phần không xi măng 1. Chuôi: - Chất liệu Titanium, phủ Titanium - Có ≥ 14 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 100 - 120mm - Góc cổ thân trong khoảng $130^\circ - 140^\circ$ 2. Chỏm trong: - Chất liệu Cobalt Chrome - Có tối thiểu 5 cỡ 3. Chỏm lưỡng cực: - Chất liệu Cobalt Chrome - Đường kính ngoài tối thiểu có cỡ trong khoảng 37 - 40mm 4. Lớp lót - Chất liệu Polyethylene cao phân tử Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	20
90	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài ≥ 170 mm, phủ Titanium Plasma, dạng thẳng và cong, chỏm lưỡng cực ≥ 38 mm	Bộ khớp háng bán phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu Titanium, phủ Titanium Plasma - Có ≥ 5 cỡ - Có 2 dạng: thẳng và cong, dài ≥ 170mm - Góc cổ thân: trong khoảng $130^\circ - 135^\circ$ 2. Chỏm - Chất liệu Cobalt Chrome - Có ≥ 5 cỡ 3. Chỏm lưỡng cực - Chất liệu Cobalt Chrome - Đường kính ngoài tối thiểu có cỡ 38mm - Chống trật: liền khối, vòng khóa trong chống tuột chỏm 4. Lớp đệm - Chất liệu Polyethylene siêu phân tử Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	10
91	Cây móc chỉ nội soi khớp, cong 45°	Cây móc chỉ nội soi dùng trong phẫu thuật nội soi khớp - Chất liệu: tay cầm bằng nhựa ABS, cán bằng thép không gỉ, dây luồn bằng Nitinol - Kích thước: dài ≥ 250mm - Cán đẩy chỉ cong trái hoặc phải 45° Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
92	Chỉ khâu đa sợi tiêu chậm bằng Polyethylene, dài ≥ 90cm	Chỉ khâu đa sợi tiêu chậm dùng trong nội soi khớp - Chất liệu: bằng Polyethylene cao phân tử và được bọc ngoài bằng lớp bên của Polyester và UHMWPE - Dài ≥ 90cm - Lực tải ≥ 350N - 1 kim tròn bằng thép không gỉ, dài ≥ 25mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tép	200
93	Mũi khoan dùng trong phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng	Mũi khoan dùng trong phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng - Chất liệu thép không gỉ - Chiều dài trục 23.5cm - Đường kính đầu mũi khoan trong khoảng 3 - 4mm - Đường kính khoan đường hầm: trong khoảng 6.0 - 12mm - Có chức năng: khoan định hướng và khoan ngược Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	6
94	Vít neo dùng đai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong phẫu thuật khớp, kèm chỉ dẹt	Vít neo dùng đai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong phẫu thuật khớp, kèm chỉ - Chất liệu: BioComposite, chỉ bằng Polyethylene - Đường kính khoảng 4.5 - 5.5mm, dài trong khoảng 15 - 20mm - Thiết kế: Kèm chỉ dẹt 2.0mm siêu bền . Có các lỗ thông giúp kích thích mọc xương. Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	75
95	Vít neo dùng đai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong phẫu thuật khớp, không chỉ	Vít neo dùng đai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong phẫu thuật khớp, không chỉ - Chất liệu: BioComposite, chỉ bằng Polyethylene - Đường kính khoảng 4.5 - 5.5mm, dài trong khoảng 15 - 20mm - Thiết kế: Không kèm chỉ. Có các lỗ thông giúp kích thích mọc xương. Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	40
96	Dây dẫn dịch trong nội soi chạy bằng máy	Dây dẫn dịch trong nội soi chạy bằng máy - Chất liệu Polyvinyl Chloride - Dài ≥ 3m - Tương thích máy bơm nước 10k Pump của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	84

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
97	Bộ khớp gối toàn phần	Bộ khớp gối toàn phần 1. Lõi cầu đùi: - Chất liệu: Hợp kim Co-Cr - Thiết kế: độ gấp duỗi tối đa $\geq 150^\circ$, rãnh bánh chè nghiêng khoảng 6 - 8 độ - Có ≥ 8 kích cỡ 2. Mâm chày: - Chất liệu: Hợp kim Co-Cr - Thiết kế: trụ mâm chày đơn khối, trụ mâm chày nghiêng khoảng 4 - 5 độ - Có ≥ 9 kích cỡ 3. Lớp đệm: - Chất liệu: Nhựa Polyethylene cao phân tử, kiểu di động - Kích thước: độ dày $\geq 6\text{mm}$, có cỡ 6mm, có thể xoay $\pm 20^\circ$ quanh trục - Thiết kế: mỗi cỡ mâm chày có ≥ 4 cỡ độ dày lớp đệm 4. Bánh chè: - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử - Kích cỡ: $\geq 25\text{mm}$, có trong khoảng 2 - 3 cỡ 5. Xi măng sinh học Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	20
98	Bộ khớp gối bán phần, hợp kim CoCrMo, dày $\geq 8\text{mm}$	Bộ khớp gối bán phần 1. Bán cầu đùi: hợp kim CoCrMo, có ≥ 4 cỡ mỗi bên trái phải 2. Lớp đệm: nhựa PE cao phân tử, kiểu cố định, độ dày $\geq 8\text{mm}$, có ≥ 5 cỡ 3. Mâm chày bán phần: hợp kim CoCrMo, có ≥ 5 cỡ mỗi bên trái phải 4. Xi măng có kháng sinh Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	5
99	Bộ nẹp cố định ngoài dùng cố định xương gãy bên ngoài, chỉnh hình xương bằng hợp kim nhôm/thép không gỉ/Titanium	Bộ nẹp cố định ngoài dùng cố định xương gãy bên ngoài, chỉnh hình xương 1. Chất liệu nẹp bằng hợp kim nhôm hoặc thép không gỉ hoặc Titanium - Thân nẹp ≥ 3 cỡ 2. Kẹp định thẳng 3. Bộ điều chỉnh nén ép - kéo giãn 4. Khớp nối 5. Đinh Steinmann đường kính thân đinh khoảng 4.0 - 5.5mm, dài $\geq 150\text{mm}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	2

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
100	Xương nhân tạo dạng bơm dung tích 5ml	Bộ xương nhân tạo dạng bơm gồm: 1. Bơm tiêm chứa xương - Dung tích $\geq 5\text{ml}$ - Chất liệu 35wt - 40wt% HA ($\text{Ca}_{10}(\text{PO}_4)_6(\text{OH})_2$) - Kích thước hạt HA khoảng 30 - 50nm 2. 01 ống ngắn 3. 01 ống dài 4. 01 cây đẩy Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Hộp	18
101	Xương nhân tạo HA/TCP, kích thước hạt xương 1 - 4mm, dung tích $\geq 10\text{ml}$	Xương nhân tạo - Dung tích $\geq 10\text{ml}$ - Chất liệu 50% - 60%HA + 40% - 50% TCP - Kích thước hạt xương khoảng 1 - 4mm - Lỗ lớn khoảng 300 - 800 μm - Lỗ nhỏ khoảng 1.0 - 10 μm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Hộp	40
102	Nẹp khoá đa hướng đầu dưới xương quay mặt lòng	Nẹp khoá đa hướng đầu dưới xương quay mặt lòng - Chất liệu Titanium - Đầu nẹp có ≥ 6 lỗ - T hân nẹp đủ cỡ từ 2 lỗ đến 8 lỗ, trái/ phải - Dày trong khoảng 2.0 - 2.5mm, rộng trong khoảng 8 - 20mm - Có lỗ khoá đôi trên toàn bộ thân nẹp, lỗ vít khoá đa hướng - Tương thích với "Vít khoá đa hướng, đầu dạng sao, đường kính 2.5 - 5.0mm", "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 $\rightarrow$ 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
103	Nẹp khoá đầu trên xương chày, mặt ngoài, đầu nẹp có 2 độ rộng	Nẹp khoá đầu trên xương chày, mặt ngoài, đầu nẹp có 2 độ rộng - Chất liệu: Titanium - Đầu nẹp ≥ 4 lỗ - Thân nẹp đủ cỡ từ 3 lỗ đến 10 lỗ, mỗi cỡ có dạng trái và phải - Chiều dài nhiều cỡ, trong có cỡ 300mm - Đầu nẹp dày trong khoảng 2.5 - 3.5mm, thân nẹp dày trong khoảng 4.5 - 5mm - Rộng: có 2 dạng đầu nẹp rộng trong khoảng 20 - 25mm và trong khoảng 35- 45mm, - Tương thích với "Vít khoá đường kính 1.5 $\rightarrow$ 6.5mm", "Vít vỏ xương cứng đường kính 1.5 $\rightarrow$ 4.5mm, đầu vít dạng sao, chữ thập và lục giác", "Vít xương xóp 4.0 $\rightarrow$ 6.5mm, đầu lục giác" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	7

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
104	Bộ kit trộn - bơm keo giàu tiểu cầu kèm kênh đồng phân phối	Bộ kit trộn - bơm keo giàu tiểu cầu kèm kênh đồng phân phối 1. Kit chiết tách keo Fibrin giàu tiểu cầu 2. Kit trộn - bơm keo có kênh đồng phân phối - Điều chế $\geq 5\text{ml}$ keo Fibrin giàu tiểu cầu - Nồng độ Fibrin $\geq 15\text{mg/ml}$ - Bảo quản được ở nhiệt độ phòng trong ≥ 5 giờ sau khi chiết tách 3. Kênh đồng phân phối kết hợp cùng các loại thuốc (kháng sinh, hóa trị liệu) và các tế bào gốc (nguồn gốc tủy xương, nguồn gốc mô mỡ) trong quá trình phun keo Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	9
105	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm thép không gỉ miếng lót Polyethylene, chuyển động đôi, có ≥ 1 quai bắt vít trên bờ ổ cổ	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi xương đùi - Chất liệu: Hợp kim Titanium, phủ Titanium và Hydroxyapatite - Có rãnh chống lún mỗi bề mặt trước và sau - Góc cổ thân trong khoảng $125 - 135^\circ$ - Chiều dài có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng $120 - 140\text{mm}$ 2. Ổ cối - Chất liệu: thép không gỉ, toàn bộ bề mặt ngoài ổ cối được phủ 1 lớp Titanium Hydroxyapatite - Có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng $40 - 44\text{mm}$ - Trên vành ổ cối có ≥ 1 quai bắt vít phía trên bờ ổ cối hướng về xương chậu và ≥ 2 lỗ vít bên trong ổ cối tại vị trí xương mu và xương ngồi - Ổ cối được thiết kế theo kiểu chuyển động đôi 3. Chỏm - Chất liệu thép không gỉ 4. Lót ổ cối - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử 5. Vít bắt bờ ổ cối - Chất liệu: thép không gỉ - Đường kính khoảng $4 - 6\text{mm}$. Chiều dài $\geq 20\text{mm}$, có ≥ 4 cỡ vít Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	8

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
106	Bộ khớp háng toàn phần thay lại, không xi măng, ổ cối phủ nhám Titanium có móc và tai gắn vào xương, chuỗi Hợp kim Titanium Alloy	Bộ khớp háng toàn phần thay lại - Chuôi - Chất liệu hợp kim Titanium Alloy - Chiều dài $\geq 250\text{mm}$ - Góc cổ thân khoảng $125^\circ - 130^\circ$ - Cổ xương đùi tùy chỉnh hướng 360°, dài $\geq 50\text{mm}$ - Dạng hoa khế, cong có vít chốt - Chôm - Chất liệu Ceramic BioloX Delta - Đường kính khoảng $28 - 32\text{mm}$ - Ổ cối - Chất liệu phủ nhám Titanium - Kích cỡ $\geq 44\text{mm}$ - Ổ cối phía trong có khuyên hãm và vít chốt an toàn - Có 2 móc dài $\geq 45\text{mm}$ - Lớp đệm - Chất liệu Polyethylene cao phân tử - Chống trật $\geq 20^\circ$ - Vít - Chất liệu Titanium - Kích thước: $\geq 15\text{mm}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	2
107	Nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lòng, lỗ khóa đơn hình tròn	Nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lòng - Chất liệu Titanium - Dày trong khoảng $2 - 3\text{mm}$, bề rộng phần đầu nẹp trong khoảng $20 - 25\text{mm}$, bề rộng phần thân nẹp trong khoảng $8 - 12\text{mm}$ - Lỗ khóa đơn hình tròn, đủ cỡ từ 3 lỗ đến 8 lỗ - Tương thích với "Vít khóa đường kính $3 - 4\text{mm}$", "Vít vỏ đường kính $3 - 4\text{mm}$", "Vít xoắn đường kính $3 - 4\text{mm}$" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	15
108	Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dạng chữ T	Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dạng chữ T - Chất liệu Titanium - Nẹp dày trong khoảng $1 - 1.5\text{mm}$, rộng đầu nẹp trong khoảng $10 - 14\text{mm}$, rộng thân nẹp trong khoảng $4 - 6\text{mm}$ - Thân nẹp có đủ cỡ từ 2 lỗ đến 6 lỗ, khoảng cách giữa các lỗ trong khoảng $4 - 6\text{mm}$ - Tương thích với "Vít vỏ 2.0mm, đầu lục giác" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	6

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
109	Dây dẫn dịch vào khớp, dài ≥ 3m, áp lực 200 - 220mmHg	Dây dẫn dịch vào khớp - Chất liệu: nhựa - Dài ≥ 3m - Tốc độ tối đa đạt ≥ 2L/phút, áp lực dòng chảy tối đa đạt ≥ 200mmHg . Tự cân bằng áp suất và nhận ra sự gián đoạn đột ngột trong dòng chảy. Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	120
110	Vít tự tiêu sinh học dùng trong nội soi tái tạo dây chằng, có phủ HA, loại ren cùn, rộng ruột	Vít tự tiêu sinh học dùng trong nội soi tái tạo dây chằng - Chất liệu sinh học tự tiêu PLLA (Poly-L-Lactic Acid) kết hợp với Hydroxyapatite (HA) - Đường kính từ 7mm đến 11mm; chiều dài trong khoảng 25 - 30mm - Ren cùn, đường kính rộng trong khoảng 1 - 2mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	7
111	Bộ nẹp vít cố định sọ, đường kính 1.5/1.7mm	Bộ nẹp vít cố định sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ - Chất liệu bằng Titanium - Gồm 3 nẹp thẳng và 6 vít tự khoan đường kính 1.5mm hoặc 1.7mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	19
112	Bộ nẹp vít gồm 1 nẹp tròn, 6 vít	Bộ nẹp vít vá sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ - Chất liệu Titanium - Gồm 1 nẹp tròn 6 lỗ, kèm 6 vít - Bề dày bản nẹp 0.25mm hoặc 0.5mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	12
113	Vít vá sọ tự khoan, đường kính ≤ 1.6mm, dài 4 - 6mm	Vít vá sọ tự khoan dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ - Chất liệu Titanium - Đường kính ≤ 1.6mm, dài trong khoảng 4 - 6mm - Tương thích với "Nẹp thẳng vá sọ, 16/ 18/ 34 lỗ", "Nẹp thẳng vá sọ, 12 lỗ" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	387

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
114	Nẹp thẳng và sọ, 12 lỗ	Nẹp thẳng và sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ - Chất liệu Titanium - Đường kính lỗ nẹp tối thiểu 2.0mm, dày $\geq 1.0\text{mm}$ - Nẹp thẳng 12 lỗ, khoảng cách lỗ nẹp 4.5mm, rộng 3.7mm - Tương thích với "Vít và sọ tự khoan, đường kính $\leq 1.6\text{mm}$, dài 4 - 6mm" hoặc "Vít và sọ tự khoan, đường kính tối thiểu 2.0mm, dài 4 - 8 mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	51
115	Đĩa đệm cột sống cổ, có răng cưa, cao 4 - 9mm	Đĩa đệm cột sống cổ dùng trong phẫu thuật thoát vị đĩa đệm cột sống cổ - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 4 - 9mm - Rộng $\geq 14\text{mm}$ - Dài tối thiểu 13mm - Có khoang ghép xương tự thân Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	7
116	Nẹp dọc cột sống lưng dùng kèm vít bắt qua da hai ren, đuôi vít rời, đường kính tối thiểu 5.5mm	Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống xâm lấn tối thiểu - Chất liệu bằng titanium - Đường kính tối thiểu 5.5mm, dài trong khoảng 30 - 150mm - Khối trụ, loại thẳng hoặc uốn sẵn - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời có bơm xi măng" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời", "Vít khoá trong của vít bắt qua da, hai ren, đuôi vít rời" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	12
117	Nẹp dọc dài 50 - 125mm loại thẳng, dùng cho vít loại 2 ren bơm xi măng, bắt vít qua da	Nẹp dọc dùng cho vít 2 ren bơm xi măng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Chiều dài trong khoảng 50 - 125mm, đường kính $\leq 5.5\text{mm}$ - Hình trụ, thẳng - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời có bơm xi măng" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời", "Vít khoá trong của vít bắt qua da, hai ren, đuôi vít rời" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
118	Nẹp cột sống cô lõi trước bán động 1 - 2 tầng, dài khoảng 22 - 54mm	Nẹp cột sống cô lõi trước bán động khoảng 1 - 2 tầng - Chất liệu hợp kim Titanium - Dài trong khoảng 22 - 54mm, dày tối thiểu có 1.8mm - Nẹp bán cứng - Tương thích với "Vít cột sống cô lõi trước đường kính 4.0/4.35mm, dài 12 - 16mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	12
119	Vít khoá trong của vít bắt qua da, hai ren, đuôi vít rời	Vít khoá trong của vít hai ren đuôi vít rời dùng trong phẫu thuật cột sống xâm lấn tối thiểu - Chất liệu hợp kim Titanium - Đầu vắn hình hoa thị - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời có bơm xi măng" hoặc "Vít cột sống lưng đa trục bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời", "Nẹp dọc cột sống lưng dùng kèm vít bắt qua da hai ren, đuôi vít rời, đường kính tối thiểu 5.5mm" hoặc "Nẹp dọc dài 50 - 125mm loại thẳng, dùng cho vít loại 2 ren bơm xi măng, bắt vít qua da" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	70
120	Vít cột sống lưng đa trục bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời	Vít cột sống lưng đa trục bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời dùng trong phẫu thuật cột sống xâm lấn tối thiểu - Chất liệu hợp kim Ti-6Al-4V ELI - Thân vít rỗng $\leq 1.9\text{mm}$, đường kính khoảng 4.5 - 9.5mm, dài trong khoảng 25 - 100mm - Đuôi vít đường kính $\leq 12.5\text{mm}$, dài $\geq 150\text{mm}$ - Tương thích với "Vít khoá trong của vít bắt qua da, hai ren, đuôi vít rời", "Nẹp dọc cột sống lưng dùng kèm vít bắt qua da hai ren, đuôi vít rời, đường kính tối thiểu 5.5mm" hoặc "Nẹp dọc dài 50 - 125mm loại thẳng, dùng cho vít loại 2 ren bơm xi măng, bắt vít qua da" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	20
121	Vít cột sống lưng đa trục bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời có bơm xi măng	Vít cột sống lưng đa trục bắt vít qua da, loại hai ren, đuôi vít rời có bơm xi măng dùng trong phẫu thuật cột sống xâm lấn tối thiểu kèm bơm xi măng - Chất liệu hợp kim Ti-6Al-4V ELI - Thân vít rỗng, đường kính ≥ 5 cỡ trong khoảng 4.5 - 9.5mm - Dài trong khoảng 25 - 100mm - Đuôi vít đường kính $\leq 12.5\text{mm}$, dài $\geq 150\text{mm}$ - Kim đẩy xi măng đường kính $\leq 1.8\text{mm}$, dài $\geq 273\text{mm}$ - Tương thích với "Vít khoá trong của vít bắt qua da, hai ren, đuôi vít rời", "Nẹp dọc cột sống lưng dùng kèm vít bắt qua da hai ren, đuôi vít rời, đường kính tối thiểu 5.5mm" hoặc "Nẹp dọc dài 50 - 125mm loại thẳng, dùng cho vít loại 2 ren bơm xi măng, bắt vít qua da" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	50

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
122	Vít cột sống lưng cố định đơn trực/ đa trực, lòng rỗng có lỗ bơm xi măng, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 80mm	Vít cột sống lưng cố định đơn trực/ đa trực dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng xâm lấn tối thiểu - Chất liệu Titanium - Đường kính có ≥ 5 cỡ trong khoảng 4.5 - 8.5mm và dài trong khoảng 25 - 80mm - Đơn trực/ đa trực, lòng rỗng có lỗ bơm xi măng, kèm kim đẩy xi măng, có góc xoay 46° - 60° - Tương thích với "Vít khóa trong của vít cố định đơn trực/ đa trực trong phẫu thuật cột sống lưng xâm lấn tối thiểu", "Nẹp dọc cột sống lưng, dài 35 - 500mm, đường kính khoảng 5.5mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	200
123	Vít khóa trong của vít cố định đơn trực/ đa trực trong phẫu thuật cột sống lưng xâm lấn tối thiểu	Vít khóa trong tự khóa tự ngắt - Chất liệu hợp kim Titanium - Tương thích với "Vít cột sống lưng cố định đơn trực/ đa trực, lòng rỗng có lỗ bơm xi măng, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 80mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	200
124	Đĩa đệm cột sống cổ, khớp động, cao 5 - 7mm, bằng Cobalt-chrome-molybdenum	Đĩa đệm cột sống cổ, khớp động dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu Cobalt-chrome-molybdenum - Cao trong khoảng 5 - 7mm - Rộng trong khoảng 15 - 19mm - Dài trong khoảng 13 - 15mm - Độ xoay uốn 20°, nghiêng bên 16°, quay được 360° Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	25
125	Vít cột sống cổ lõi trước đường kính 4.0/4.35mm, dài 12 - 16mm	Vít cột sống cổ lõi trước, tự khóa, tự khoan, tự tạo ren. Có khóa ở đầu vít, góc xoay khoảng 10° so với trục vuông góc nẹp. - Chất liệu Hợp kim Titanium - Đường kính cỡ 4.0mm hoặc 4.35mm; dài trong khoảng 12 - 16mm - Tương thích với "Nẹp cột sống cổ lõi trước bán động 3 - 4 tầng, dài khoảng 50 - 100mm" hoặc "Nẹp cột sống cổ lõi trước bán động 1 - 2 tầng, dài khoảng 22 - 54mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	40

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
126	Nẹp dọc cột sống lưng, dài 35 - 500mm, đường kính khoảng 5.5mm	Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật bắt vít qua da cột sống lưng, ngực - Chất liệu titanium - Chiều dài trong khoảng 35 - 500mm, đường kính tối thiểu 5.5mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng cố định đơn trực/ đa trực, lòng rỗng có lỗ bơm xi măng, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 80mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	75
127	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 8 - 14mm, có 2 khoang nhồi xương	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 8 - 14 mm - Độ nghiêng $\geq 8^\circ$ - Rộng trong khoảng 9 - 11mm, dài 25mm - Đầu hình viên đạn, có 2 khoang ghép xương - Có điểm đánh dấu cản quang Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	12
128	Nẹp thẳng vớ sọ, 16 lỗ	Nẹp thẳng vớ sọ dùng trong phẫu thuật sọ não để cố định sọ - Chất liệu Titanium - Dày trong khoảng 0.6 - 1mm, dạng thẳng, có 16 lỗ Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
129	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài có thang đo áp lực theo dòng chảy kèm catheter não thất, đường kính trong $\leq 1.5\text{mm}$	Bộ dẫn lưu dịch não tủy có thang đo áp lực dòng chảy dùng trong phẫu thuật dẫn lưu não thất ra ngoài 1. Dây dẫn: kết nối một đầu với catheter não thất và đầu còn lại với thang đo thông qua van khoá, dài khoảng 30 - 100cm, chất liệu nhựa hoặc tương đương 2. Túi chứa: chứa dịch não tủy, thể tích chứa khoảng 500 - 700ml 3. Van điều chỉnh dòng chảy: giúp khoá mở dòng chảy dịch não tủy 4. Thang đo áp lực dẫn lưu dịch: từ 0 đến 25 mmHg 5. Catheter não thất: chất liệu silicone, chiều dài khoảng 30 - 40cm, đường kính trong $\leq 1.5\text{mm}$, đường kính ngoài $\leq 2.8\text{mm}$ 6. Trocar: đặt vào lỗ dây dẫn lúc đặt vào não thất, chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, chiều dài tương ứng với catheter não thất Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	10

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
130	Bộ đo áp lực nội sọ tại nhu mô não, cỡ 4Fr	Bộ đo áp lực nội sọ tại nhu mô não dùng trong phẫu thuật sọ não cần theo dõi áp lực nội sọ - Catheter bằng silicon, dây cáp quang gắn đầu vi cảm biến - Kiểu cáp quang 4Fr - Tương thích với máy ICP Camino của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	6
131	Bộ van dẫn lưu dịch não tủy từ não thất xuống ổ bụng, van điều chỉnh áp lực bên ngoài, có 5 mức áp lực	Bộ van dẫn lưu dịch não tủy từ não thất xuống ổ bụng van có thể điều chỉnh áp lực, có khoá chống ngoại lực dùng trong phẫu thuật dẫn lưu não thất ổ bụng - Catheter, van và dây dẫn dịch bằng polypropylene với màng chắn silicone chống dính 1. Catheter não thất dài khoảng 20 - 25cm, đường kính trong khoảng 1.0 - 1.3mm, đường kính ngoài 2.5mm (± 0.5 mm) 2. Van dạng bóng có lõi: không bị tác động bởi từ trường, áp lực từ 30 đến 200mmH ₂ O. Đường kính van khoảng 15 - 17mm 3. Dây dẫn lưu xuống ổ bụng dài khoảng 100 - 120cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	3
132	Miếng vá khuyết sọ khoảng 120 x 120 x 0.6mm ($\pm 0.5\%$), dạng 3D	Miếng vá khuyết sọ dùng trong phẫu thuật ghép sọ - Chất liệu Titanium cấu trúc lưới 3D - Lỗ bắt vít chìm - Kích thước 120 x 120 x 0.6mm ($\pm 0.5\%$) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	1
133	Miếng vá khuyết sọ khoảng 150 x 150 x 0.6mm ($\pm 0.5\%$), dạng 3D	Miếng vá khuyết sọ dùng trong phẫu thuật ghép sọ - Chất liệu Titanium cấu trúc lưới 3D - Lỗ bắt vít chìm - Kích thước 150 x 150 x 0.6mm ($\pm 0.5\%$) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	1
134	Đĩa đệm cột sống lưng lõi bên loại cong, cao 8 - 14mm	Đĩa đệm cột sống lưng lõi bên loại cong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 8 - 14 mm - Rộng trong khoảng 22 - 36mm - Mũi nhọn hình viên đạn. Có khoang ghép xương tự thân Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
135	Nẹp dọc qua da uốn sẵn, đường kính tối thiểu 4.75 mm, dài 30 - 90mm	Nẹp dọc qua da uốn sẵn các cỡ - Chất liệu Cobalt Chrome - Đường kính tối thiểu 4.75mm, dài trong khoảng 30 - 90mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục rỗng nòng hai bước ren, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 5 - 80mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	12
136	Bộ pin điều khiển trung tâm kích thích não sâu sạc nhiều lần	Bộ pin điều khiển trung tâm kích thích não sâu, pin sạc nhiều lần dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý rối loạn vận động - Chất liệu thép không gỉ - Tuổi thọ sản phẩm trong khoảng 9 - 10 năm - Loại có thể sạc không dây qua da nhiều lần Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	1
137	Bộ sạc pin dùng cho bộ pin điều khiển trung tâm kích thích não sâu sạc nhiều lần	Bộ sạc pin dùng cho thiết bị cấy ghép DBS dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý rối loạn vận động - Kết nối không dây qua dây đeo, tiện sử dụng cho người bệnh Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	1
138	Bộ thiết bị kích thích não sâu (gồm điều khiển trung tâm, bộ lập trình, dây nối dài, dây cáp, vi điện cực), pin sạc sử dụng nhiều lần	Bộ thiết bị kích thích não sâu dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý rối loạn vận động 1. Dây cáp kết nối vi điện cực 2. Vi điện cực kích thích não sâu 3. Bộ đầu điện cực kích thích não sâu, dài ≥ 40 cm 4. Bộ dây nối dài điện cực, dài ≥ 60 cm 5. Dụng cụ tạo đường hầm 6. Thiết bị kiểm tra tín hiệu điện trở 7. Thiết bị điều khiển trung tâm kích thích não sâu, loại sạc lại được, tuổi thọ trung bình 9 - 10 năm 8. Thiết bị điều chỉnh pin dành cho người bệnh 9. Bộ thiết bị sạc pin di động cho người bệnh Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	3
139	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ thất lưng ra ngoài có thang đo áp lực cột nước	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ thất lưng ra ngoài dùng trong dẫn lưu và theo dõi dịch não tủy từ khoang dưới nhện thất lưng 1. Catheter thất lưng: đặt vào khoang dưới nhện, chất liệu silicone, dài ≥ 80 cm 2. Kim chọc dò thất lưng: chất liệu thép không gỉ 3. Van chống trào ngược có cổng lấy mẫu 4. Van khoá 5. Bồn dẫn lưu thể tích ≥ 50 ml, thể tích túi chứa dịch ≥ 700 ml có tích hợp thang đo theo mmHg và cmH2O Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	15

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
140	Màng cứng nhân tạo Collagen tự dính dùng trong phẫu thuật thần kinh 2.5 x 7.5cm ($\pm 05\%$)	Màng cứng nhân tạo dùng trong phẫu thuật thần kinh có khuyết màng cứng, điều trị vá lỗ rò dịch não tủy - Chất liệu Collagen siêu tinh khiết - Kích thước 2.5 x 7.5cm ($\pm 05\%$) - Tự tiêu và màng cứng tự thân sau 12 tháng, tự dính, không cần khâu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
141	Màng cứng nhân tạo Collagen tự dính dùng trong phẫu thuật thần kinh kích thước 2.5 x 2.5cm ($\pm 05\%$)	Màng cứng nhân tạo dùng trong phẫu thuật thần kinh có khuyết màng cứng, điều trị vá lỗ rò dịch não tủy - Chất liệu Collagen siêu tinh khiết - Kích thước 2.5 x 2.5cm ($\pm 05\%$) - Tự tiêu và màng cứng tự thân sau 12 tháng, tự dính, không cần khâu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	25
142	Màng cứng nhân tạo Collagen tự dính dùng trong phẫu thuật thần kinh thước 7.5 x 7.5cm ($\pm 05\%$)	Màng cứng nhân tạo dùng trong phẫu thuật thần kinh có khuyết màng cứng, điều trị vá lỗ rò dịch não tủy - Chất liệu Collagen siêu tinh khiết - Kích thước 7.5 x 7.5cm ($\pm 05\%$) - Tự tiêu và màng cứng tự thân sau 12 tháng, tự dính, không cần khâu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
143	Vít cột sống lưng đa trục (kiểu 1/4 ống)	Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực ít xâm lấn - Chất liệu Titanium - Kích thước có ≥ 5 cỡ trong khoảng 5.0 - 8.0mm, dài trong khoảng 30 - 60mm - Đầu vít dài dạng 1/4 ống - Tương thích với "Vít khóa trong vít đa trục (kiểu 1/4 ống) trong phẫu thuật cột sống lưng ít xâm lấn", "Nẹp dọc cột sống lưng đường kính khoảng 5.5mm, dài 40 - 150mm, cho vít đa trục (kiểu 1/4 ống)" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	64
144	Vít khóa trong vít đa trục (kiểu 1/4 ống) trong phẫu thuật cột sống lưng ít xâm lấn	Vít khóa trong vít đa trục 1/4 ống dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực ít xâm lấn - Chất liệu Titanium - Đầu vít hình ngôi sao - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục (kiểu 1/4 ống)", "Nẹp dọc cột sống lưng đường kính khoảng 5.5mm, dài 40 - 150mm, cho vít đa trục (kiểu 1/4 ống)" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	64

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
145	Nẹp dọc cột sống lưng đường kính khoảng 5.5mm, dài 40 - 150mm, cho vít đa trục (kiểu 1/4 ống)	Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật ít xâm lấn cột sống lưng, ngực lồi sau - Chất liệu Titanium - Đường kính $\leq 5.5\text{mm}$, dài trong khoảng 40 - 150mm - 1 đầu thuận nhọn, 1 đầu gắn - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục (kiểu 1/4 ống)", "Vít khóa trong vít đa trục (kiểu 1/4 ống) trong phẫu thuật cột sống lưng ít xâm lấn" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	25
146	Đĩa đệm cột sống cổ chuyên động sinh lý, cao 5 - 8mm	Đĩa đệm cột sống cổ chuyên động sinh lý dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồi trước - Chất liệu có 2 bề mặt Endplate bằng titanium, Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao tối thiểu 5mm, tối đa 8mm - Rộng tối thiểu 16mm, tối đa 18mm - Dài $\geq 15\text{mm}$ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10
147	Đĩa đệm cột sống lưng điều chỉnh độ cao, cao 8 - 14mm, độ nghiêng 0°, 8°, 15°	Đĩa đệm cột sống lưng điều chỉnh độ cao dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Cao trong khoảng 8 - 14mm - Độ nghiêng 0°, 8°, 15° - Rộng $\leq 11\text{mm}$, dài trong khoảng 22 - 28mm - Đĩa có đầu viên đạn, đĩa có thể chỉnh được độ cao Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	6
148	Vít cột sống lưng rỗng nòng, dài 30 - 60mm, đường kính 5.5 - 7.5mm	Vít cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực xâm lấn tối thiểu - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 5.5 - 7.5mm, dài trong khoảng 30 - 60mm, đầu vít dài 77 hoặc 127mm - Lồng vít rỗng, vít tự tạo ren - Tương thích với "Nẹp dọc cột sống lưng đi kèm vít cột sống lưng rỗng nòng, dài 50 - 200mm, đường kính $\leq 6.0\text{mm}$ " tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	100

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
149	Nẹp dọc cột sống lưng đi kèm vít cột sống lưng rộng nông, dài 50 - 200mm, đường kính ≤ 6.0mm	Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong mô cột sống xâm lấn tối thiểu - Chất liệu Titanium - Đường kính ≤ 6.0mm, dài trong khoảng 50 - 200mm - Thiết kế kiểu thanh dọc, tròn, hình dạng cong được uốn sẵn, 1 đầu nẹp thuôn nhọn, 1 đầu nẹp có ngàm để gắn vào trụ cụ đặt nẹp - Tương thích với "Vít cột sống lưng rộng nông, dài 30-60mm, đường kính 5.5 - 7.5mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	40
150	Vít khóa trong vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, đường kính khoảng 9.5 - 10mm, cao 5.5 - 6.0mm	Vít khóa trong đầu nhỏ dùng cố định, chỉnh trượt, chỉnh hình cột sống ngực, lưng - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 9.5 - 10mm, cao trong khoảng 5.5 - 6.0mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, 15.2mm/ 16.2mm, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 130mm" hoặc "Vít cột sống lưng đầu dài ren đôi lõi hình nón 27.2mm/28.2mm, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 20 - 130mm", "Nẹp dọc cột sống lưng, dài 120 - 200mm, đường kính 5.5/6.0mm" hoặc "Nẹp dọc cột sống lưng, dài ≥ 400mm, đường kính 5.5/6.0mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	100
151	Vít cột sống lưng đa trục lồng rộng kèm xi măng sinh học ren đôi, đường kính 5.5 - 6.5mm, dài 35 - 60mm	Vít cột sống lưng đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng, thắt lưng trên người bệnh loãng xương - Chất liệu Titanium - Đường kính vít có cỡ 5.5 hoặc 6.0 hoặc 6.25 hoặc 6.5mm, dài trong khoảng 35 - 60mm - Ren đôi, góc xoay 30°, lồng vít rộng, có các lỗ dọc đầu thân vít, có kèm xi măng sinh học - Tương thích với "Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật loãng xương, đường kính ≤ 5.5mm, dài 40 → 200mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	50
152	Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật loãng xương, đường kính ≤ 5.5mm, dài 40 → 200mm	Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng, thắt lưng ở người bệnh loãng xương - Chất liệu Titanium - Đường kính ≤ 5.5mm, dài từ 40mm đến 200mm - Bề mặt trơn láng - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục lồng rộng kèm xi măng sinh học ren đôi, đường kính 5.5 - 6.5mm, dài 35 - 60mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	12

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
153	Điện cực hai kim dưới da và cáp xoắn dùng cho máy dò thần kinh, dài khoảng 1 - 2.5m	Điện cực thần kinh kim dưới da xoắn dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh - Điện cực hình kim thẳng, dài $13 \pm 0.05\text{mm}$, đường kính $0.4 \pm 0.05\text{mm}$ - Chiều dài dây cáp trong khoảng 1 - 2.5m, cáp xoắn - Kết nối dạng touch-proof - Tương thích với máy dò thần kinh Neuro-IOM 32B của Bệnh viện Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	500
154	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 8 - 14mm, có sẵn xương ghép bên trong	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, có sẵn xương ghép bên trong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK), 2 điểm đánh dấu bằng tantalum, xương ghép sẵn được làm bằng vật liệu tricalciumphosphate với tricalciumphosphate (TCP) và hydroxyapatite (HA) - Cao: có tối thiểu các cỡ 8, 10, 12, 14mm - Độ nghiêng $\geq 4^\circ$ - Rộng $\leq 11\text{mm}$, dài $\geq 28\text{mm}$ - Khoảng trống ghép xương trong khoảng 159 - 160mm² Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	50
155	Bộ trộn và phân phối xi măng dùng cho phẫu thuật tạo hình thân đốt sống	Bộ trộn và phân phối xi măng dùng cho phẫu thuật tạo hình thân đốt sống, - Chất liệu bóng bằng kim loại/ thủy tinh - Ống trộn xi măng - 5 bơm tiêm xi măng (3ml) - Khóa vặn - Thẻ tích tối thiểu 15ml - Tương thích "Kim chọc dò bơm xi măng thân sống, cỡ 11G, 13G, dài khoảng 100 - 130mm" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	25
156	Kim chọc dò bơm xi măng thân sống, cỡ 11G, 13G, dài khoảng 100 - 130mm	Kim chọc dò bơm xi măng dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống - Chất liệu thép không gỉ - Kích thước: cỡ 11G, 13G - Dài trong khoảng 100 - 150mm - Nòng rỗng và có cây lõi bên trong - Tương thích với "Bộ trộn và phân phối xi măng hóa học bơm thân sống" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	50

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
157	Xi măng hóa học bơm thân sống	Xi măng hóa học tạo bơm thân sống dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống - Thành phần: polymetyl - metacrylate, có tính cản quang - Trọng lượng khoảng 27.0 - 27.5g bột và 9.0 - 9.5g dịch Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Lọ	60
158	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 7 → 14mm, phần đầu được bo tròn, răng bám dạng nghiêng	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao từ 7mm đến 14mm (mỗi size tăng 1mm) - Độ nghiêng 5° - Chiều dài x chiều rộng: 29 x 11mm, 29 x 14mm, 34 x 16mm - Phần đầu miếng ghép có các cạnh được bo tròn - Bề mặt có các răng bám dạng nghiêng - Có 3 điểm đánh dấu chất liệu Tantalum không thấu xạ - Khoảng ghép xương lớn có thể tích từ 0.7ml đến 2.2ml Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	58
159	Vít cột sống lưng đa trục bơm xi măng 15 lỗ, có rãnh mũ vít hình vuông bắt qua da trong phẫu thuật cột sống, đường kính 4.5 - 10mm, dài 25 - 60mm	Vít cột sống lưng đa trục bơm xi măng qua da dùng trong phẫu thuật điều trị bệnh lý thoái hoá cột sống lưng ở nhóm người bệnh loãng xương - Chất liệu Titanium - Đường kính khoảng 4.5 - 10mm, dài trong khoảng 25 - 60mm - Vít có 15 lỗ, đường kính lỗ bơm xi măng khoảng 1.0-1.2mm, ống nong qua da khoảng 15 - 20mm. - Tự tạo ren, góc xoay ± 30° - Tương thích với "Vít khoá trong cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng", "Nẹp dọc cột sống lưng, ngực, cong, dài 30 - 200mm, đường kính 5.5 - 6.0mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	38
160	Vít khóa trong vít có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông	Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Bước ren ngang với góc mở 12° và rộng của bước ren 0.48 ± 0.05mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng đơn trục/đa trục có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông, đường kính > 4.0mm, dài 25 - 60mm" hoặc "Vít cột sống lưng đơn trục cột sống có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông, đường kính > 4.0mm, dài 25 - 60mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	38

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
161	Nẹp dọc cột sống lưng ngực, dài ≤ 500mm, đường kính ≤ 6.0mm	Nẹp dọc dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu bằng hợp kim titanium/ CoCr - Chiều dài ≤ 500mm, đường kính ≤ 6.0mm - Có dạng cong và thẳng, đầu nẹp dọc phẳng hoặc hình lục giác - Tương thích với "Vít cột sống lưng đơn trực/đa trực có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông, đường kính > 4.0mm, dài 25 - 60mm" hoặc "Vít cột sống lưng đơn trực cột sống có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông, đường kính > 4.0mm, dài 25 - 60mm", "Vít khóa trong vít có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10
162	Nẹp dọc cột sống lưng ngực, dài 60 - 95mm, đường kính ≤ 6.0mm	Nẹp dọc dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu bằng hợp kim Titanium/ CoCr - Chiều dài trong khoảng 60 - 95mm, đường kính ≤ 6.0mm - Dạng cong và thẳng, đầu nẹp dọc phẳng hoặc hình lục giác - Tương thích với "Vít cột sống lưng đơn trực/đa trực có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông, đường kính > 4.0mm, dài 25 - 60mm" hoặc "Vít cột sống lưng đơn trực cột sống có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông, đường kính > 4.0mm, dài 25 - 60mm", "Vít khóa trong vít có rãnh mặt trong mũ vít hình vuông" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10
163	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 60 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 60 cm, phủ phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp hoặc...) - Không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	2.412
164	Chất làm đầy trẻ hóa da, cải thiện nếp nhăn da	Chất làm đầy trẻ hóa da, cải thiện nếp nhăn da - Thành phần: Hyaluronic acid liên kết chéo tối thiểu 20 mg/ml. Lidocain hydrochlorid tối thiểu 3 mg/ml. Dung dịch muối đệm phosphat - Kim 29G, bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt - Thê tích ống tối thiểu 1 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Ống	60

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
165	Bơm tiêm chứa 50 ml dung dịch pha sẵn, dùng bơm trực tiếp vào bàng quang qua thông niệu đạo	Bơm tiêm chứa 50 ml dung dịch pha sẵn, dùng bơm trực tiếp vào bàng quang qua thông niệu đạo - Thành phần trong 50 ml: + Hyaluronic acid (dạng muối natri) 1.6% + Sodium chondroitin sulphate 2% + Calcium chloride dihydrate 0.87% + Nước tinh khiết 100% + Sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn	ống	70
166	Lưỡi dao bào da	Lưỡi dao bào da dùng trong phẫu thuật ghép da: - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: * Chiều dài 160 mm (± 3 mm) * Chiều rộng 20 mm (± 2 mm) * Bề dày 0.25 mm (± 0.2 mm) - Đặc tính: hình chữ nhật, có 3 lỗ để gắn vào cán dao bào - Tương thích với cán dao Watson - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	10
167	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 1, dài ≥ 45 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 1, dài ≥ 45 cm, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, 1 đầu tự khoá, có 2 hàng neo ép đối xứng, 5 neo/1cm, lực giữ vết mổ 50 - 55% ít nhất 6 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 40 mm, 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	108
168	Kim gây tê đám rối thần kinh 21G, 100 ± 01 mm	Kim gây tê đám rối thần kinh - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 21G, dài 100 ± 01 mm - Thân kim có chia vạch, mặt vát khoảng 30 - 40 độ, cách điện - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh, có dây nối để bơm thuốc - Có dây dẫn kích thích điện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích máy kích thích thần kinh Stimuplex Dig RC tại Bệnh viện	cái	210

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
169	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực, đường kính 10 - 11 mm, dài 50 - 60 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Kích thước: + Đường kính khoảng 10 - 11 mm + Chiều dài khoảng 50 - 60 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 2 mảnh - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	20
170	Chỉ thép số 2, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 37 mm, 1/2 C	Chỉ thép số 2 - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 2, dài ≥ 45 cm - 1 kim tròn đầu cắt, dài 37 mm, 1/2 C, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp hoặc...), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 5 Kgf - Tiệt khuẩn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	24
171	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, trẻ em	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, trẻ em - Bộ dây bao gồm: + Thiết kế 02 dây song song, co dẫn được (điều chỉnh theo ý người sử dụng), chiều dài mỗi dây khi kéo dẫn ít nhất 1.2 m, đường kính mỗi dây 15 mm. + 01 một co Y có 2 cổng kiểm soát + 01 co thẳng đường kính 2 đầu 22 mm, kiểu Male (22 mm M) + 01 dây nối bóng giúp thở dài ít nhất 0.8 m + 01 co nối dạng khuỷu tay (co L) có thể xoay chiều, có cổng Luer lock lấy mẫu khí đo CO₂, cổng nối thiết bị hỗ trợ (ống NKQ, ống nối), có 2 vòng: vòng ngoài đường kính 22 mm, kiểu Male, vòng trong đường kính 15 mm, kiểu Female (22M/15F) - Chất liệu PVC và PE - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	bộ	80
172	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi bằng polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 cm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 13 mm, 3/8 C, kim phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	324
173	Pin sạc dùng cho dao siêu âm không dây	Pin sạc dùng cho dao siêu âm không dây - Có thể tái sử dụng lên đến 100 lần - Thời gian chờ lên đến 7 tiếng sau khi sạc đầy - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	6